

TƯ TƯỚNG NHO HỌC & SỰ BẢN ĐỊA HOÁ TẠI VIỆT NAM

Nhân tử Nguyễn Văn Thọ



Xem bài liên quan: [Tư tưởng Phật học](#) | [Tư tưởng Lão học](#)

Đạo Khổng là một đạo rất hay, chỉ tiếc là khó hiểu, nhưng nếu ta mất công sưu tầm, sẽ tìm ra mạch lạc của nó.

Chỗ cao siêu của Đạo, Đức Khổng không phải bất kỳ ai cũng truyền, mà chỉ truyền cho người có căn cơ, như Nhan Hời.

Tử Cống than: «Văn chương Thầy ta thì chúng ta đều được nghe. Còn về Bốn Tánh và Thiên Đạo, thì chúng ta chẳng được nghe Thầy ta dạy.» (Luận Ngữ, 5, 12)

Ngài nói: «**Ngô Đạo Nhất dĩ quán chi**» 吾道一以貫之 (Luận Ngữ, 4, 15): Đạo ta, có thể thu tóm bằng chữ Nhất. Như vậy, Nhất đây là thuyết: **Thiên địa vạn vật đồng nhất thể**.

Khi bình về Học Thuyết Khổng Tử, cụ Trần Trọng Kim đã viết: «Khổng Tử là một bậc thượng trí. Ngài nghĩ ngợi mà suy xét mọi việc rồi mới phát minh ra cái học thuyết, chủ lấy sự theo Thiên Lý làm căn bản. Ngài cho là trời đất và vạn vật đều có cái Lý ấy cả, tất là cùng đồng một thể, cho nên Ngài mới lấy chủ nghĩa THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ làm thống hệ cho học thuyết của mình. Cái lý ấy là cái Nguyên Nhân của sự sinh hoá trong vũ trụ... Cái lý vô hình ấy... gọi là Thái Cực.» (Nho Giáo Trần Trọng Kim, q. 1, tr. 68)

Khảo Khổng Giáo, ta thấy Thái Cực, Nhất, Trung, Thiên Lý, Thiên Đạo, Thiên Tâm, hay Tính đều là một.

Qui Nguyên Trực Chỉ, một quyển sách cổ từ thời nhà Tống có chủ trương Tam Giáo đồng nguyên, nơi chương 26 có viết: «Cái Chân Như Bản Tánh mà mỗi người đều có sẵn trước khi được cha mẹ mình sinh, nó là một cái Thể chân thiết, không dối trá, gọi là Bản Lai Diện Mục. **Thiền Tông thì gọi nó là Chánh Pháp Nhân Tạng. Liên Tông thì gọi nó là Bản Tánh Di Đà. Đức Khổng thì gọi nó là Thiên Lý. Đức Lão Tử thì gọi nó là Cốc Thần. Dịch thì gọi nó là Thái Cực.** Mỗi nơi kêu tên một khác, kỳ thiết nó vẫn là một Chân Như Bản Tánh vậy.» (Qui Nguyên Trực Chỉ, Đỗ Thiệu Lăng dịch, chương 26, tr, 339)

Cho thấy cái chốt, cái căn bản của Khổng Giáo chính là Thái Cực.

Luận Ngữ viết: «**Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh.**» 君子務本, 本立而道生 (Luận Ngữ, ch. I, câu 2). Người quân tử chuyên lo CÁI GỐC. GỐC có vững, Đạo Lý mới sinh ra.

Vụ bản như vậy là trọng gốc, là lưu tâm, lưu ý đến căn bản vũ trụ, quần sinh; là lưu tâm, lưu ý đến những vấn đề hệ trọng quan thiết đến vận mạng con người; là suy khảo về nguyên lý vũ trụ, quần sinh, về bản tính, về chân đạo, chân lý.

Cái gì là căn bản vũ trụ quần sinh? Khổng giáo xưa nay vẫn chấp nhận rằng:

Thái Cực hay Trời làm căn bản vũ trụ quần sinh.

Đại Đồng Chân Kinh, một sách của Đạo Lão viết:

Muốn tìm căn bản, phải tìm nơi Thái Cực (**Căn bản do lai Thái Cực tâm** - Đại Đồng chân kinh, tr. 4b).

Hệ từ viết: «**Dịch hữu Thái cực.** Thị sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái.» 易有太極。是生兩儀。兩儀生四象。四象生八卦 (Dịch: Hệ Từ thượng)

Dịch Kinh Đại Toàn cũng có một bài thơ, trong đó có câu:

Tu tri nhất bản sinh song cán,
須知一本生雙幹
Thủy tín thiên nhi dĩ vạn tôn.
始信千兒與萬孫

Dịch

Có hay một gốc đôi cành rẽ,
Mới thấy nghìn con, vạn cháu đông.

Một gốc là Thái Cực. Đôi cành là Âm Dương.

Gốc hay Thái Cực thời trường tồn, bất biến.

Âm Dương thời hư ảo, biến thiên.

Trang Tử viết trong Nam Hoa Kinh như sau: «**Hư Tĩnh, Điềm Đạm, Tịch Mạc, Vô Vi** ấy chính là Gốc sinh ra vạn vật. Hiểu điều đó, nên Nghiêu làm vua thiên hạ, Thuấn trở nên hiền thần; ở ngôi trên, áp dụng được nó, nên Đế Vương, Thiên Tử; ở cấp dưới, áp dụng được nó, trở nên Huyền Thánh, Tổ Vương.» (Nam Hoa Kinh, Thiên Đạo XIII, A).

Nhìn sang Triết Học Ấn Độ, ta thấy sách Áo Nghĩa Thư cũng có chủ trương tương tự.

Shri Aurobindo toát lược Áo Nghĩa Thư đại khái như sau:

«Áo Nghĩa Thư muốn lập căn bản vũ trụ quần sinh và đưa ra quan niệm Thực Thể duy nhất, bất biến, lồng trong mọi tạp thù, biến ảo, và là chủ chốt chi phối vũ trụ hình tướng, biến dịch bên ngoài.

«Áo Nghĩa Thư cho rằng: hai phương diện biến hằng của vũ trụ quần sinh, đều bao hàm trong những

trạng thái động tĩnh của Brahman, Thực thể duy nhất, bất khả phân, và căn cơ của vũ trụ. Theo Áo Nghĩa Thư, Thực Thể duy nhất ấy thể hiện và hiển dương trong thế giới chuyển dịch và hình tướng này, qua trung gian những lớp lang, tiết tấu, những giai đoạn, những trình độ, những thời kỳ khác nhau.

«Sự biến thiên, chuyển dịch cốt là để thực hiện lại Duy Nhất, cốt là để cho quần sinh phối hợp được với Duy Nhất.» (Shri Aurobindo, Trois Upanishads, p. 20 and ss.)

Tư Mã Thiên tóm tắt niềm tin ngưỡng tự nhiên của nhân loại bằng những lời lẽ mộc mạc sau đây: «Trời là thủy tổ của con người, cha mẹ là gốc gác của con người. Người ta khi cùng khổ sẽ quay về nguồn, về gốc, cho nên khi khổ sở, lao lung, cùng cực thời thường kêu Trời, thời thường kêu cha mẹ.» (Traduction Couvreur, Annales de la Chine, p. 110)

Đức Khổng cũng tin rằng Trời là gốc gác muôn vật, quần sinh, gốc gác con người, nên muốn hiểu con người, trước phải biết Trời, vì Trời là gốc, mà con người là cành, là ngọn. Trung Dung viết:

Tư tri nhân, bất khả bất tri Thiên 思知人不可以不知天.

Dịch:

Biết Người, trước phải biết Trời,
Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu Người làm sao?
(Trung Dung, ch. XX)

Những người vụ bản còn là những con người đi sâu được vào tầng lớp làm căn cơ, cốt cách con người, tìm ra được Đạo, được Trời ở đáy lòng.

Ngày nay, người ta gọi những người đó là những người có «tâm địa ban sơ» (mentalité archaïque), nghĩa là những tâm hồn sống kề cận với căn bản, với cốt cách con người (Arche). Đó là những con người hãy còn hồn nhiên, toàn vẹn, chưa bị pha phôi bởi vọng niệm, tư tâm, kiến văn, kiến thức. Nói thế, tức là con người vụ bản đi sâu được vào Vô thức. **Vô thức đây không phải là thứ Tiềm thức hời hợt của Freud, chơi vơi giữa óc não và nhân tâm, nhưng Vô Thức đây chính là Vô Thức Đại Đồng của Jung, là Toàn Nhất của Hartmann, là Tự thể của Kant, là Tuyệt Đối của Schelling, hay Bản Tính của Carus.**

Đức Khổng gọi cái Vô Thức ấy là Tính (Trung Dung, I), Thiên Mệnh (Trung Dung, I), là Mệnh (Luận Ngữ XX, 3), là Đạo (Trung Dung I), là Thành (Trung Dung, XX, XXI), là Minh Đức (Đại Học, I), và suy luận ra rằng **ý thức hay nhân tâm không phải là chủ trong con người, ngược lại chúng phải khuôn theo, thuận theo Vô Thức, thuận theo Thiên Tính để tiến tới hoàn thiện.** Tìm ra được căn cơ, cốt cách, bản tính con người, tức là tìm thấy Đạo, thấy Trời trong tâm khảm mình.

Ngô Thảo Lư viết: Đạo, Lý, Thành, Thiên, Đế, Thần, Mệnh, Tính, Đức, Nhân, Thái Cực, lời tuy có khác, nhưng ý chỉ có một. (Tổng Nguyên học án, q. 12, tr. 8).

Chính vì thế mà Mạnh Tử viết:

Thấu triệt lòng, sẽ hay biết Tính,
Hay biết Tính, nhất định biết Trời,
Tồn Tâm, dưỡng Tính chẳng rời,
Ấy là giữ Đạo thờ Trời chẳng sai...
(Mạnh Tử, Tận tâm chương cú thượng I).

Đại Học viết:

Đại Học có mục phiêu rõ rệt,

Đuốc Lương Tâm cương quyết phát huy,
 Dạy dân lối sống tân kỳ,
 Chưa nơi hoàn thiện, còn đi chưa ngừng.
 Có mục phiêu rồi lòng sẽ định,
 Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan
 Hết lo, lòng sẽ bình an,
 Bình an, tâm trí rộng đường xét suy.
 Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn,
 Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi,
 Trước sau đã rõ khúc nhôi,
 Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi.

Đã nói rằng Trời là căn cơ, gốc gác con người, thì con người chẳng thể lìa xa được khỏi Trời, dù là một phút giây, vì càn làm sao lìa khỏi gốc được? Vì thế Trung Dung viết: «**Đạo dã giả bất khả tu du ly dã.**» 道也者不可須臾離也.

Quan niệm này đem so với quan niệm của các nhà minh triết Ấn Độ, ta thấy giống nhau hoàn toàn.
 Katha Upanishad viết:

Chân Tâm chủ thể muôn loài,
 Thể thời duy nhất, Hình thời ngàn muôn.
 Biết Ngài ngự giữa tâm hồn,
 Mới mong hạnh phúc trường tồn, vô chung,
 Biết Ngài bất biến thung dung,
 Lòng trong trời đất lao lung chuyển vần.
 Biết Thần ngự giữa chúng Thần,
 Biết Ngài duy nhất giữa quần sinh ban,
 Bao nhiêu mơ ước chứa chan,
 Biết Ngài phân phát cho toàn sinh linh.
 Biết Ngài ngự giữa lòng mình,
 Mới mong hạnh phúc siêu sinh trường tồn.
 (Katha Up. 5, 14. - Prasna 6, 5 - Brih. 4, 4 - 1- 2)

Vì thế mà Kinh Thi mới viết:

Chái Tây Bắc, góc nhà thanh vắng,
 Đừng làm chi đáng để hổ người.
 Đừng rằng tầm tối chơi vơi,
 Đừng rằng tầm tối, ai người thấy ta.
 Thần giáng lâm ai mà hay biết,

Nên dám đâu khinh miệt, dễ người?

(Mao Thi, Đại Nhã, Ước Thiên)

Quan niệm trên cũng đã được Trung Dung nhắc lại nơi chương XVI

Đức Khổng vì đã tìm ra được Trời, được Đạo tàng ẩn trong tâm khảm mình, nên đã sống một cuộc đời đạo hạnh chân thực, nghĩa là sống phối kết với Trời.

Trung Dung gọi thể là **Phối Thiên** (Trung Dung, ch. XXVI)

Thomas Mann gần đây cũng cho rằng **đạo hạnh chân thực chính là sống phối kết với bản thể** (L'Homme se sente directement branché sur le mystère profond de l'être.) (Critique, mars, 1961. No 166, p. 218).

Ngoài ra, Đức Khổng còn cho rằng mọi lẽ luật chi phối con người và quần sinh vũ trụ đều đã được ghi tạc ngay trong lòng con người, trong lòng quần sinh, vạn hữu.

Trung Dung viết:

Đạo luôn gần gũi người đời,
 Những ai lập đạo xa rời chúng nhân,
 Hiếu kỳ, lập dị là nhảm.
 (Trung Dung, ch. XXII)

Kinh Thi viết:

Trời sinh ra khắp muôn dân,
 Vật nào phép nấy định phân rành rành.
 Lòng dân sẵn có căn lành,
 Nên ưa những cái tinh thành, tốt tươi.
 (Kinh Thi, Chung Dân).

Chính vì linh hội được cái chân đạo ấy, mà Đức Khổng không câu nệ về những hình thức cầu đảo bên ngoài.

Khi Ngài đau, Tử Lộ khuyên Ngài nên cầu đảo. Ngài trả lời: «Ta cầu đảo từ lâu rồi.» (Luận Ngữ, VII, 30). Ý Ngài muốn nói: tuy không cầu đảo theo thói thông thường, nhưng thực ra đời Ngài đã là cả một bài kinh nguyện trường thiên, vì luôn sống phối kết với Thượng Đế.

Ngài khuyên mọi người nên học cho nhiều để tìm cho ra cốt cách, căn cơ của mình, tìm cho ra Trời, ra Đạo ở nơi tâm khảm mình, và cho rằng đó là điều kiện thiết yếu để sống cuộc đời đạo hạnh, chân thực.

Đại Học viết:

Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ,
 Người xưa lo cải hóa dân mình.
 Trị dân trước trị gia đình,
 Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên
 Muốn sửa mình, Tâm nên sửa trước,
 Sửa Tâm Hồn, trước cốt ý ngay.
 Ý ngay, phải học cho dày.

Dày công học vấn sẽ hay Khuôn Trời.
 Hay Khuôn Trời thoát thôi thấu triết
 Thấu triết rồi, ý thiết, lòng ngay.
 Lòng ngay, ta sẽ hóa hay,
 Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên.
 Nhà đã yên, nướớc liền thịnh trị.
 Nước trị bình bốn bể bình an.
 Từ dân cho tới vua quan,
 Tu thân một mực lấy làm căn cơ.

(Đại Học, I)

Ngài chủ trương dạy thiên hạ làm bưng sáng ngọn đuốc lương tâm, cố gắng cải thiện không ngừng, để tiến tới hoàn thiện.

Đại Học viết:

Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
 Đuốc Lương Tâm cương quyết phát huy.
 Dạy dân lối sống tân kỳ,
 Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng.

(Đại Học, I)

Đó chính là chủ trương của các vị đại Thánh, đại Hiền trong thiên hạ.

Thời cổ xa xưa, Mahagourou, vị thánh Ai Cập, cũng đã dạy thiên hạ phát huy «ánh sáng nội tại ấy». Đó là ánh sáng soi cho mọi người sinh ra nơi trần thế. Ánh sáng ấy là «con người chân thực». Ánh sáng ấy tiềm tàng khắp nơi, ẩn áo ngay cả trong lòng nham thạch. Đối với con người... ánh sáng ấy gần gũi họ hơn mọi sự, ánh sáng ấy đã hiện diện trong lòng mọi người. Thực thể ấy gần gũi con người hơn mọi hình thức lễ nghi, vì con người chỉ cần hồi quang, quán chiếu là tìm thấy ngay ánh sáng ấy. Khi con người biết ra, mà vượt lên trên mọi lễ nghi hình thức, là con người lên được tới cùng Osiris, lên được tới ánh sáng. Ánh sáng ấy chính là thượng thần Amoun- Ra, căn nguyên và cùng đích mọi sự. (A.E. Powell, Le système solaire, p. 351)

Tóm lại, Đức Khổng chủ trương **chân đạo phát xuất từ «thâm tâm con người»**. Trung Dung viết:

Nên đạo quân tử phát xuất tự «thâm tâm»,
 Đem trưng bày phổ cập tới thứ dân,
 Khảo chứng tiên vương không có chi lầm lỗi.
 Sánh với luật đất trời không phản bội,
 So quỷ thần đường lối đúng không sai,
 Thánh nhân ngàn đời sau, chẳng có chê bai.
 So quỷ thần đường lối đúng không sai,
 Thế là đã biết lòng Trời đó,

Thánh nhân ngàn đời sau chẳng có chê bai,

Thế là đã biết lòng người tỏ rõ.

(Trung Dung, ch. XXIX)

Những con người vụ bản là những con người hiểu cổ. Hiểu cổ không phải để mua vui, mà chính là để hướng về nguồn, mà chính là để dùng gương xưa, tích cũ, lèo lái cho công trình tạo tác thời nay, mà chính là để theo chân người xưa, khám phá và làm sống động lại các tầng lớp thâm sâu của tiềm thức. Như vậy khảo cổ tức là khơi sâu, chẳng những khơi sâu thời gian và lịch sử, mà còn khơi sâu tâm khảm con người, làm cho con người mở rộng thêm tầm kích, sống thêm sâu xa linh diệu. Chính vì vậy mà Đức Khổng ưa khảo cổ. Ngài nói trong Luận Ngữ:

Ta trần thuật chứ không sáng tạo,

Tin cổ nhân, mộ đạo cổ nhân.

(Luận Ngữ, Thuật Nhi, VII, 1)

Trung Dung viết thêm: «Trọng Ni tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn, Võ.» 仲尼祖述堯舜, 憲章文武 (Trung Dung, ch. XXX).

Các môn đệ Đức Khổng Nhiều người cũng tỏ ra hiểu cổ. Mạnh tử thuật lại rằng: «Các ông ấy có chí cả, và thường lớn tiếng nhắc đi, nhắc lại: ôi người xưa, ôi người xưa.» (Mạnh tử, Tận Tâm chương cú hạ, 37. Luận Ngữ. VII, 19. Luận Ngữ, IV, 21).

Những người vụ bản còn có tâm hồn định tĩnh. Vì họ chú trọng đến các tầng lớp thâm sâu trong tâm hồn, nên có đời sống nội tâm rì rào.

Các ngài ưa trầm tư, mặc tưởng, để tìm ra nguyên lý, tìm ra định luật chi phối vũ trụ

Đại Học viết:

Có mục phiêu rồi lòng sẽ định,

Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan.

Hết lo lòng sẽ bình an,

Bình an tâm trí, rộng đàng xét suy.

Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn,

Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi.

Trước sau đã rõ khúc ngoặt,

Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi.

(Đại Học, I)

Trang Tử cũng có chủ trương tương tự Ông viết: «Nước lặng sẽ chiếu soi thấy được râu mày, lại được thợ dùng để đánh thẳng bằng. Nước lặng mà còn trong, hướng chi là tinh thần? Lòng thánh nhân mà tĩnh lặng, thời sẽ nên gương soi trời đất, vạn vật.» (Nam Hoa Kinh, Thiên Đạo, XIII, A).

Vì vậy mà Đức Khổng thường trầm tư, mặc tưởng (Luận Ngữ, XV, 30). Ngài cũng dạy các môn đệ năng xét mình, để trừ khử những điều không hay, không tốt, (Luận Ngữ, I, 3), để khiến cho tâm hồn trở nên như băng tuyết (Luận Ngữ II, 2).

Chính nhờ sống một cuộc sống nội tâm sâu sắc như vậy mà đức Khổng thường ung dung thư thái (Luận Ngữ, VII, 4). Có thể nói được rằng ngày nay chúng ta thường **buồn bực, khổ sở, bất mãn, một phần**

là vì đã bỏ quên mất nếp sống tâm hồn, mà sống phiến diện nơi óc não, nơi giác quan, hay vui đầu vào ngoại cảnh, đem hết tâm lực chạy theo tiền bạc, lợi danh, hoặc thú vui nhục dục.

Thế là trạng thái đánh mất tâm hồn mình, theo từ ngữ Thánh Kinh (Mat. 16, 26), hoặc theo từ ngữ của Harvey Cox trong cuốn The Feast of Fools (While gaining the whole world, Western men has been losing his own soul), hay làm thất lạc con tim theo Mạnh Tử (Mạnh Tử, Cáo Tử chương Cú thượng, 2).

Nhờ vụ bản, mà Đức Khổng đã tìm ra được nguyên lý duy nhất, do đó suy ra vạn sự.

Đức Khổng đã nói: Đạo ta là do một nguyên lý mà suy ra (Ngô đạo nhất dĩ quán chi 吾道一以貫之, Luận Ngữ, IV 15), và Luận Ngữ, XV, 2).

Nguyên lý duy nhất ấy chính là gốc, mọi sự khác chỉ là ngọn. Biết được nguyên lý duy nhất rồi sau sẽ suy ra các điều khác. Không biết được nguyên lý duy nhất thì mọi sự sẽ rối mù.

Đoàn Trung Còn bình: Nhất dĩ quán chi là một môn học cao vi của nhà Nho. Người ta bắt đầu từ chỗ gần, mà xét tới chỗ xa, từ chỗ hiển mà đạt tới chỗ mật. Nhà học Đạo cần phải có tâm bình đẳng, đạt mức trung dung, do một mối mà phăng lần ra, thì có thể bắt từ ngọn mà đi đến gốc. Nhờ quan sát như vậy, nhà Đạo hiểu tâm tánh người đời. Cao hơn nữa, nhà Đạo biết ra lẽ bí mật trong vũ trụ vậy. (Đoàn trung Còn, Luận Ngữ, XV, 2)

Chính vì thế mà Trang tử đã nói: «**Thông vu nhất, nhi vạn sự tất.**» 通于一而萬事畢 (Biết được nguyên lý, thời vạn vật cũng biết xong xuôi. (Nam Hoa Kinh, Thiên Địa XII, A). Ông cũng còn nói: «**Đắc kỳ hoàn trung, dĩ ứng vô cùng.**» 得其環中以應無窮 (Trước hết phải nắm được tâm điểm, Sau đó sẽ ứng dụng được vô cùng.) (Nam Hoa Kinh, Tề vật luận II, C).

Đức Khổng còn dùng nguyên lý duy nhất mà suy ra lẽ tuần hoàn biến hóa của mọi sự biến dịch trong hoàn vũ. Ngài cho rằng mọi sự biến hóa chung qui đều trở về lại căn nguyên, và sự tu luyện học hỏi của con người cũng cốt là để nhập thần, huyền hóa. Vì thế mà Ngài đã viết trong Hệ Từ, khi bình về Hào Cửu Tử quẻ Hàm như sau:

Dạy rằng muôn sự trên đời,
Cần chi lo lắng, rồi bời mà chi.
Muôn đường nhưng vẫn đồng qui,
Trăm chiều lo lắng qui về một căn.
Cần chi mà phải băn khoăn,
Việc gì mà phải bận tâm lo lường.
Vàng trắng đắp đổi vàng dương,
Vàng dương đắp đổi đài gương Quảng Hằng.
Mặt trời cùng với mặt trăng,
Luân phiên đắp đổi, nên hằng sáng soi.
Lạnh đi, nóng lại tới nơi,
Nóng đi, lạnh lại trở lui thay liền.
Hàn ôn đắp đổi thường xuyên,
Cho nên niên tuế miên triền sinh ra.
Trôi vào quá vãng là co,

Vị lai là giã, giã là triển dương.
 Khuất thân, co giã thời thường
 Đồi bên cảm ứng, mở đường lợi sinh.
 Sâu đo có lúc co mình,
 Co mình cốt để duỗi mình dễ hơn.
 Long xà đông tới chập chờn,
 Ngủ vui tháng lạnh, bảo tồn tẩm thân,
 Học sao tinh nghĩa nhập thần,
 Rồi ra áp dụng muôn phần hay ho,
 Đã rành đã tỏ hóa cơ,
 Rồi ra lợi dụng ấm no thân mình.
 Thân mình sung túc, an ninh,
 Rồi ra nhân đức thi hành sùng tôn,
 Bấy chừng từ đó tiến lên,
 Là vào tới cõi siêu nhiên, thánh thần.
 Thần minh khế hợp vào tâm,
 Hóa cơ đã tỏ, siêu nhân đã đành.

(Hệ từ hạ, chương V)

Đức Khổng đã áp dụng nguyên lý duy nhất ấy vào công cuộc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.
 Sau khi đã định được căn bản của vũ trụ quần sinh là Thái Cực, là Trời. **Mà Trời hay Thái Cực thời:**

- Bất biến,
- Hằng cửu,
- Siêu vi. - Vừa lồng trong vạn vật, vừa siêu xuất vạn vật
- Vừa là căn cơ, vừa là cùng đích muôn loài.
- Lại hoàn thiện, tuyệt đối.

Ở nơi con người thì **Thái cực là Lương Tâm, Lương tri, tuyệt đối, hoàn thiện, nên chính là Tính con người, là phần Thiên nơi con người**. Nó khác hẳn với nhân tâm, vì nhân tâm chỉ là thất tình, lục dục, luôn luôn biến thiên, thay đổi.

Cho nên trong công trình tu luyện phải luôn theo tiếng Lương Tâm, giữ gìn cho Lương Tâm được luôn luôn trong trẻo, và phải trở về với Lương Tâm là mới trở về được với Đạo, với Trời.

Kinh Thư gọi Lương Tâm là Đạo Tâm. (Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15)

Trung Dung gọi là Tính. (Trung Dung, I)

Đại Học gọi là Minh Đức. (Đại Học, I)

Kinh Dịch gọi là Thái Cực. (Dịch, Hệ Từ)

Mạnh Tử gọi là Xích tử chi tâm (Mạnh Tử, Ly Lâu hạ, 12).

Ngoài ra chư Nho còn gọi là Nhất, là Trung, là Thành, là Mệnh v.v... Chính vì thế nên Bản Tính con

người thời hoàn thiện. (Nhân chi sơ, Tính bản thiện). (Tam Tự Kinh)

Chính vì thế mà trong công cuộc tu thân con người phải tiến tới hoàn thiện (Đại Học, I), tiến tới chí thành, chí thiện

Thành giả Thiên chi đạo dã,
Thành chi giả, nhân chi đạo dã.

Dịch

Hoàn toàn là Đạo của Trời,
Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay.
(Trung Dung, XX).

Như vậy, cá nhân và xã hội đều phải theo một khuôn mẫu, là tiến tới chỗ hoàn thiện. Khổng tử nói: «Trò Sâm, Đạo ta do một nguyên lý mà suy ra. Tăng tử đáp: Dạ...Đạo Thầy là đem hoàn thiện vào lòng mình và làm cho người khác trở nên giống mình.» (Luận Ngữ, Lý Nhân, IV, 15).

Mạnh tử cũng nói: «Mạnh tử chỉ bàn về tính thiện, và không ngớt ngợi khen Nghiêu Thuấn... Đạo Lý chỉ có một mà thôi.» (Mạnh tử, Đằng văn Công chương cú thượng, 1)

Chính trị chính là sửa sang mọi người và đưa mọi người về tới Hoàng Cực hoàn thiện.

Trung Dung viết:

Đạo quân tử có năm hình thức,
Nương ba chồi, thịnh đức sum sê.
Quân thần, phụ tử, phu thê,
Anh em cốt nhục, bạn bè tất giao.
Ấy năm đạo tối cao thiên hạ,
Trí, Dũng, Nhân, đức cả 3 chồi,
Năm cành, ba cỗi tốt tươi,
Tinh thành do một gốc Trời trở sinh.
(Trung Dung XX)

Trung Dung còn viết:

Thành vốn dĩ tự mình hoàn thiện,
Đạo thời thường tự khiển, tự do.
Thành là cùng đích, duyên do,
Duyên do, cùng đích khắp cho muôn loài.
Bỏ nhẽ ấy khôn bài có vật,
Nên hiền nhân quý nhất chữ Thành.
Hoàn thành không những riêng mình,
Rời ra hoàn thiện quần sinh muôn loài.
Hoàn thành mình là người nhân đức,
Tác thành vật, là bậc thông minh.

Thiên nhiên tự tính uy linh,
 Trong ngoài hai mặt, một mình quán thấu.
 Nên quân tử biết câu sau trước,
 Xếp thời giờ, tổ chức cho hay.
 (Trung Dung XXV).

Như vậy, về phương diện chính trị, phải liệu lý từ trong ra ngoài. Căn cơ có tỏ, thì tâm mới định; thần có linh, thì tâm mới thiện; Tâm có thiện, thì thân mới an; thân có an, thì gia đình mới tốt; gia đình có tốt, thì quốc gia mới thịnh; quốc gia có thịnh, thì thiên hạ mới mong bình. Mới hay có thấu đáo căn cơ, cốt cách của mình, thì thân mới tu, gia mới tề, quốc mới trị, thiên hạ mới bình. Cái gốc có vững, thì cái ngọn mới không xiêu.

Ngày nay, thế giới trở nên đảo điên, suy vi, loạn lạc, chính là vì người ta đã trở nên vong bản, đã quên mất gốc, hoặc không biết rằng cái gốc hoàn thiện đã ở ngay trong tâm cơ con người. Thành thử, người ta cầu mong hòa bình mà chỉ thấy loạn lạc; người ta hứa hẹn an lạc, mà chỉ thấy toàn gian khổ, điêu linh. Tất cả những cái thống khổ, khốn nạn, tất cả những chén phiền não, tân toan mà con người đã, đang, và sẽ uống hằng ngày, đều là do đã lạc mất tâm, đã quên mất gốc.

Chúng ta muốn an bình ư? Hãy tìm về gốc, trở về nguồn. Chúng ta muốn có một nền học vấn cao siêu ư? Hãy khảo về gốc, suy về nguồn. Chúng ta muốn tìm ra giải đồng thân ái, liên kết ta được với người, với chúng dân trong hoàn vũ ư? Hãy tìm ra gốc, tìm ra nguồn.

Căn cơ, nguồn gốc của chúng ta, chúng ta khởi tìm ở khởi điểm lịch sử. Nguồn gốc vũ trụ nhân quần, chúng ta khởi suy khảo cho tới phút lập địa, khai thiên. **Muốn tìm về gốc nguồn chúng ta, chúng ta chỉ việc phật quang hết những lau lách dục vọng hay tạp niệm nội tâm (M. T. Tận tâm chương cú hạ, 21), rồi ra chúng ta sẽ thấy hiện ra một con đường quang, đưa tới nguồn, tới gốc, rồi ra chúng ta sẽ thấy hiện ra trong Nã Thất 3, tức là trong Nê Hoàn Cung chúng ta một viên ngọc quý sáng ngời, đó là Lương Tâm chúng ta, mà Đạo Lão gọi là Kim Đơn, mà khoa luyện đan Âu Châu gọi là Philosopher's Stone. Đó là cái Đạo mà sáng nghe biết rồi, chiều chết cũng cam của Khổng giáo. (Triều văn Đạo, tịch tử khả hĩ. Luận Ngữ, Lý Nhân IV, 8). Tìm ra Đạo này là một công trình khó khăn, nhưng thích thú.**

Tóm lại, Thái Cực hay Trời, khi sinh ra ta thì gọi là Căn Cơ, khi kêu ta về thì gọi là Cùng Đích. Như vậy Trời không ở đâu xa, mà đã nằm sẵn trong lòng sâu con người. Ta đã thấy bất kỳ đạo giáo chân chính nào trên thế giới cũng đều chủ trương như vậy.

Sách Trung Dung đã viết theo kiểu này: Sách bắt đầu bằng chữ Thiên, rồi nở ra thành Tam Đức, Ngũ Luân, Cửu Kinh, đoạn khép lại thành Đạo Thánh Nhân, rồi lại trở về với Trời vô thanh, vô xú. Thật là hoàn hảo tuyệt vời.

Thế là:

Tung ra tản mạn khắp muôn phương trời,
 Thu tóm lại dấu nơi ẩn áo.
 Hay sao hay, kỳ ảo khôn cùng
 Đó là thực học chính tông,
 Ai hay tìm hiểu, sẽ thông ý màu,
 Thông ý màu, rồi sau ứng dụng,

Dùng cả đời, cũng chẳng hề vơi.

(Trung Dung, Chu Hi chương cú)

Sau đây, chúng ta sẽ dùng Kinh Dịch để giải thêm thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể.

Kinh Dịch chủ trương: Vũ trụ này do một đại thể duy nhất, một căn nguyên duy nhất phân hóa ra. Bản thể duy nhất ấy Dịch gọi là Thái cực, là Âm Dương hợp nhất, là Thổ, là Nhất, là 5, hay 15.

Dịch trình bày tư tưởng trên bằng:

a) Hình vẽ Thái Cực, gồm Âm lẫn Dương.



b) Bảng chữ Dịch 易 gồm 2 chữ Nhật 日, và Nguyệt 月 (月). Nhật thời Bất Biến, Nguyệt thời Biến Thiên.

$$\text{易} = \text{日} + \text{勿} = \text{日} + \text{月}$$

c) Bảng chữ Thổ 土, gồm hai nét Âm Dương 二, và nét Số 丨 hợp nhất.

d) Bảng số 5 vì năm là 3 (Dương) + 2 (Âm).

e) Bảng số 15 vì 15 là 9 (Dương) + 6 (Âm).

Thái Cực thời Bất Biến.

Âm Dương thời Biến Hóa vô cùng.

Bản Thể ấy đã sinh hóa, phóng phát ra vũ trụ, bằng cách phân hóa.

1 chia 2.

2 chia 4.

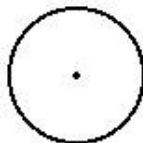
4 chia 8.

8 chia 16, chia 32, chia 64.

Dịch diễn tả tư tưởng ấy bằng chữ: Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái...

Hoặc bằng hình vẽ:

a/ Bản thể vũ trụ và vạn hữu vẽ thành vòng Dịch tròn.



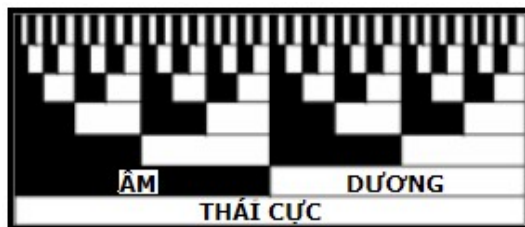
Lúc đó:

Tâm điểm là Thái Cực.

Vạn hữu là hào quái vây quanh bên ngoài..

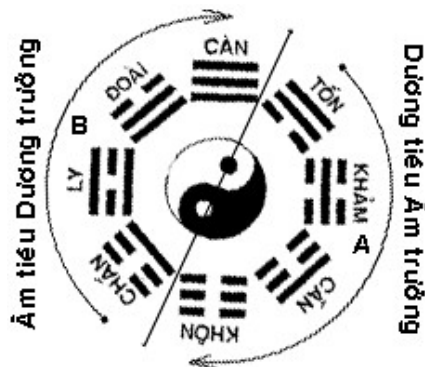
Thái Cực hay Bản Thể như vùng dương sinh xuất muôn ánh hào quang vạn hữu.

b/ Bản thể vũ trụ (Thái Cực) và Vạn Hữu (Hào quái) xếp theo hình ngang. Lúc ấy, Bản Thể (Thái Cực) là gốc cây, vạn hữu (hào quái) như cành, như lá bên trên.



Vòng biến dịch tuần hoàn của vũ trụ được tượng trưng bằng:

a/ Vòng Dịch Tiên Thiên bát quái

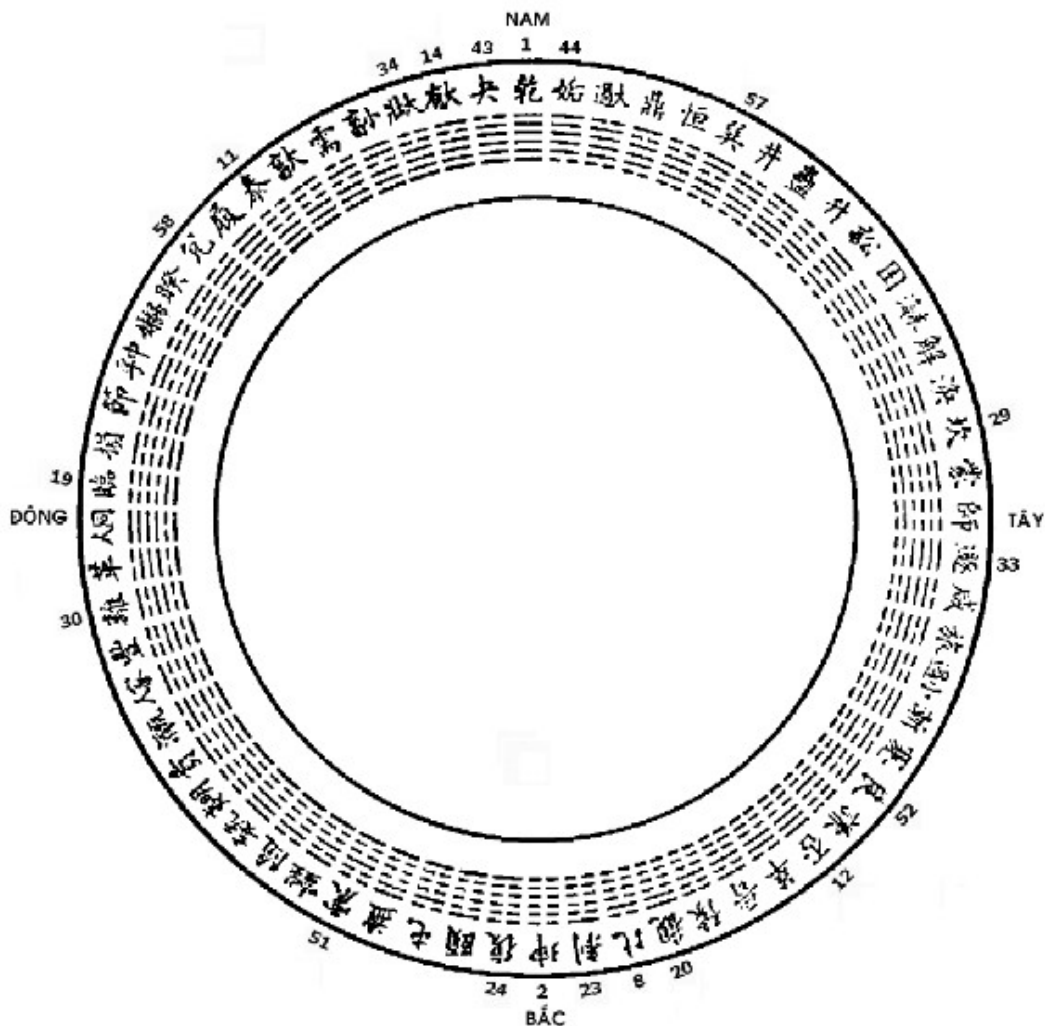


Đồ hình này có 2 nửa phải, trái. Nửa phải có 4 quẻ là Tốn, Khảm, Cấn, Khôn. Hào trong cùng của 4 quẻ này đều là Hào âm. Hơn nữa, Hào Âm ngày càng tăng. Hào Dương ngày càng giảm: (Tốn có 1 hào Âm, Khảm có 2 hào Âm cách nhau, Cấn có 2 Hào Âm liền nhau, Khôn có 3 hào Âm), vì thế, chiều này gọi là chiều Âm trưởng, Dương tiêu.

Như vậy, ta thấy rằng, ở chiều này, Vật Chất ngày càng thịnh, Tinh Thần ngày càng suy

Nửa trái có 4 quẻ là Chấn, Ly, Đoài, Kiền. Hào trong cùng của 4 quẻ này đều là Hào Dương. Hơn nữa, Hào Dương ngày càng tăng, Hào Âm ngày càng giảm. (Chấn có 1 hào Dương, Ly có 2 hào Dương cách nhau, Đoài có 2 hào Dương liền nhau, Kiền có 3 hào Dương), vì thế chiều này gọi là chiều Dương trưởng, Âm tiêu. Như vậy ta thấy rằng ở chiều này Tinh Thần ngày càng thịnh, Vật Chất ngày càng suy.

b/ Bảng Vòng Dịch Tiên Thiên 64 quẻ.



Nơi vòng Dịch Tiên Thiên 64 quẻ, ta thấy nửa phải có 32 quẻ, từ Cấu đến Khôn. Tất cả các Hào trong cùng của 32 quẻ này đều là Hào Âm. Đó là **Chiều Âm**, vì Âm ngày càng thịnh, đó cũng gọi là **chiều Thuận**.

Nửa trái có 32 quẻ, từ Phục đến Kiền. Tất cả các hào trong cùng của 32 quẻ này đều là Hào Dương. Đó là **Chiều Dương** vì Dương ngày càng thịnh, đó cũng còn gọi là **Chiều Nghịch**.

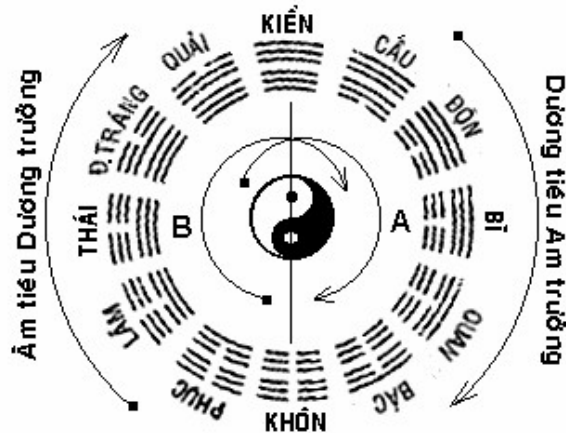
Thế là:

Gỗ Đạo Lý có sau, có trước,
 Lễ Âm Dương có ngược, có xuôi.
 Xuôi là gió cuốn bụi đời (Thiên Phong Cấu),
 Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lành,
 Có thử thách mới phân vàng đá,
 Có làm than mới rõ chuyện đời.
 Ngược là sấm chớp tươi bời (Địa Lôi Phục),
 Tầng sâu bày giải căn trời nội tâm,
 Trông tỏ đích chí nhân, chí chính,
 Biết mục phiêu sẽ định, sẽ an.
 Rồi ra suy xét nguồn cơn,
 Con đường phối mệnh chu toàn tóc tơ.

Dịch Kinh quý nhất chiều nghịch. (Dịch nghịch số đã. Kinh Dịch, Thuyết quái, chương III, câu 2), vì

Chiều Nghịch là Chiều sinh Thánh, sinh Thần, còn chiều Thuận là Chiều sinh Nhân, sinh Vật.

c/ Hoặc giản dị hơn, bằng vòng Dịch **Thập Nhị quái khí**.

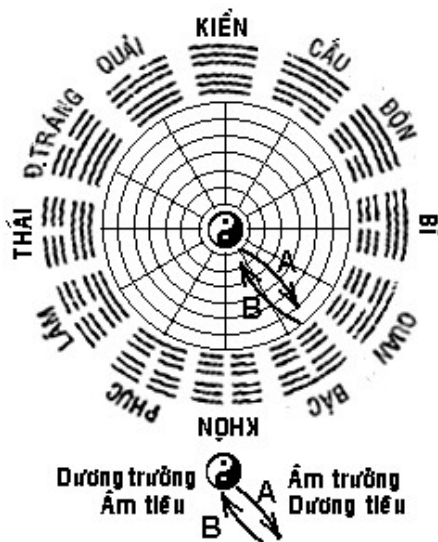


Thập Nhị quái Khí là 12 quẻ rút ra từ Vòng Dịch 64 quẻ nói trên.

Nửa phải có 6 quẻ là Cầu, Độn, Bỉ, Quan, Bác, Khôn. Đó là Chiều Âm.

Nửa trái có 6 quẻ là Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quả, Kiến. Đó là chiều Dương.

d/ Hoặc bằng 1 đồ bản vẽ Thái cực nằm chính giữa, với 6 vòng tròn đồng tâm bên ngoài. Ngoài cùng có 12 quái khí.



Trông vào hình đồ trên ta thấy:

1/ Thái Cực ở Tâm Điểm.

2/ Vạn Hữu được tượng trưng bằng 6 vòng tròn bao quanh bên ngoài.

3/ Vòng biến dịch bắt đầu từ tâm điểm đi ra tới biên, rồi lại quay ngược trở về Tâm.

4/ Càng đi ra bên ngoài, âm càng thịnh, dương càng suy (âm từ 1 hào, dần dần tăng lên cho tới 6 Hào).

5/ Lúc vòng Dịch quay trở về được đánh dấu bằng quẻ Phục. (Quay trở lại)

Như vậy, **Phục là con đường hồi tâm, qui tâm, hồi hướng, hướng nội.**

Phục cũng là Kiến Thiên Địa chi Tâm: Thấy được Tâm (Bản Thể) của Trời đất. Tâm của Trời đất cũng là Tâm của mình.

6/ Càng đi sâu vào tâm, càng trở nên trong sáng. Âm căn càng ngày càng giảm, Dương quang càng ngày càng tăng.

Vào đến vòng dịch thứ 6, là đạt thuần Dương, thuần Kiền.

7/ Vào tới Tâm Điểm là Đắc Đạo, đắc Nhất, đắc Thiên.

8/ Vòng biến dịch, tuần hoàn trên vẽ lại đời sống con người lý tưởng, cũng như đời sống nhân quần và toàn bộ lịch sử tiến hóa con người. Chẳng những thế, còn vẽ lại được vòng biến dịch luân lưu của mặt trời, mặt trăng, hay nói rộng hơn là toàn thể chu kỳ biến hóa của vũ trụ.

9/ Vòng biến dịch này có 2 chiều:

Con người nói riêng, nhân loại nói chung, khi còn trẻ sẽ hướng ngoại, đem tinh thần phục vụ giang sơn, tổ quốc, cải thiện ngoại cảnh, đổi lấy miếng cơm, manh áo, đóng góp với đời...

Khi đã luống tuổi, khi đã trở về già, sẽ hướng nội, qui tâm, sẽ dùng ngoại cảnh hỗ trợ cho tâm thần, tu luyện bản thân, tiến mãi trên con đường huyền hóa...

Thiệu Khang Tiết viết: «Vạn Vật tòng Trung nhi khởi, tòng Trung nhi chung.» (Vạn Vật từ Trung Tâm sinh xuất, lại qui hoàn về Trung.)

Dịch lại viết: «Nhất Âm, nhất Dương chi vị đạo. Kế chi giả, thiện dã, thành chi giả, tính dã.» — 陰 — 陽 — 之 — 謂 — 道 —, 繼 — 之 — 者 — 善 — 也 —. 誠 — 之 — 者 — 性 — 也 (Hệ từ thượng, chương V).

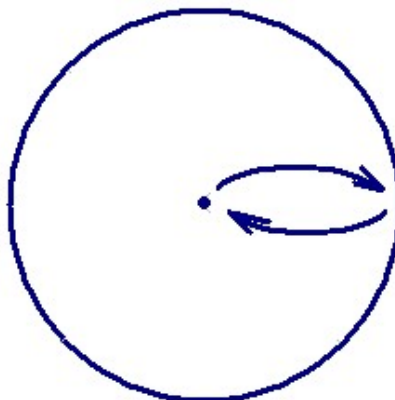
Một Âm, một Dương là Đạo (Đạo có 2 chiều: Âm trước, Dương sau: Vật chất trước, tinh thần sau). Theo đường đó thời tốt, đi tới cùng đường sẽ thực hiện được Tính Trời.

Chỗ cao siêu của Dịch là cốt dạy con người: **Tẩy Tâm, thoái tàng ư mật** 洗心退藏於密 (Hệ từ Thượng, ch. 11), tẩy rửa tâm hồn, trở về với tâm linh.

Các chính Tính, Mệnh, Bảo hợp Thái Hòa. 各正性命保合太和 (Kiền Quái, Thuyết quái) Giữ cho Tính, Mệnh được ngay chính, bảo vệ, hiệp nhất được với Thái Hòa (Thái Cực).

Sau đây, tôi xin đi sâu thêm bằng cách lần lượt trình bày cùng quý vị những đóng góp của Tứ Thư, Ngũ Kinh vào công trình đi tìm Thượng Đế tiềm ẩn đáy lòng, tức là vào công trình xây đắp con đường Qui Nguyên Phản Bản, lý tưởng theo thánh hiền Nho Giáo.

Tôi sẽ dùng TÂM ĐIỂM và vòng TRÒN bên ngoài với hai chiều thuận nghịch để trình bày những tư tưởng then chốt của Tứ Thư, Ngũ kinh, đồng thời cũng để minh định rằng con đường quy nguyên phản bản của Nho Giáo chính là con đường hồi hướng, con đường quay về Tâm để mà tìm Đạo, tìm Trời hoặc quay về gốc, trở về nguồn.



Nhìn vào đồ hình này, ta sẽ thấy ngay chủ trương chính yếu của Nho Giáo có thể tóm tắt như sau:

1. Thái Cực, hay ĐẠO hay TRỜI hay THƯỢNG ĐẾ là bản thể tuyệt đối, là căn nguyên duy nhất, sinh suất ra quần sinh vũ trụ, vừa siêu suất (transcendent), vừa ẩn tàng (immanent) trong lòng sâu, trong TÂM ĐIỂM vạn hữu, nhân quần, để làm trục cốt, căn cơ, âm thầm chỉ huy, hướng dẫn mọi cuộc biến thiên, tiến thoái.

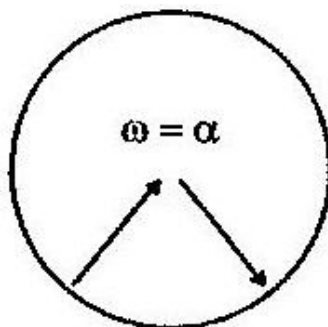
2. Vạn hữu, vạn tượng, vũ trụ, quần sinh, những hình tướng biến thiên, những công dụng biến thiên đa tạp của một bản thể tuyệt đối, của một Thái Cực hợp lại thành một vòng biến thiên Sinh Tử. Những Vòng Tròn biến thiên bên ngoài, tuy là biến thiên sinh tử, nhưng vẫn có vinh hạnh mang trong lòng mình một căn cơ, một nguồn sinh HẰNG CỬU, BẤT DIỆT.

3. Thượng Đế hay Thái Cực, ở nơi tâm điểm với vạn tượng, vạn hữu hay giữa các quẻ ở vòng tròn bên ngoài có liên lạc mật thiết với nhau:

- Từ tâm điểm, từ Thượng Đế ra vòng tròn bên ngoài hay ra vạn tượng vạn hữu bên ngoài là chiều suy thoái, phóng phát ly tán, phân kỳ, hướng ngoại. Đó là chiều NHẤT TÁN VẠN, đó là chiều sinh Nhân sinh Vật.

- Từ TÂM ĐIỂM chuyển dịch, biến hóa ra vòng bên ngoài, rồi lại từ vòng bên ngoài chuyển dịch biến hóa quay trở về Tâm Điểm vẽ thành một vòng CHU DỊCH, hay một vòng biến hóa ĐẠI TUẦN HOÀN, hay ĐẠI CHU THIÊN.

Thế tức là VẠN VẬT TUẦN HOÀN CHUNG NHI PHỤC THỦY, để thực hiện điều Đại Huyền Kỳ của Trời Đất là Thủy Chung Như Nhất, mà Âu Châu gọi là Alpha = Omega (Alpha là đầu, là Thủy, vì chữ Alpha là chữ đầu trong mẫu tự Hi Lạp, Omega là chữ cuối cùng).



- Kinh Dịch gọi là:

Nguyên Thủy Yếu Chung (Dịch, Hệ Từ Hạ, chương IX)

Nguyên Thủy Phản Chung (Dịch, Hệ Từ Thượng, chương IV)

- Thiệu Khang Tiết viết: «Vạn Vật tòng trung nhi khởi, tòng trung nhi trung.»

- Văn Đạo Tử viết: «Mới đầu từ trong thuận hành mà sinh, cuối cùng lại trở lại để ẩn tàng tại trung điểm tại trung Hoàng Thái Cực tìm lại được Bản Lai Diện Mục của mình.» [1]

- Nguyễn Án Trường, tác giả quyển Tạo Hoá Thông cho rằng: «Thái Cực là Một vậy. Vạn vật bắt đầu từ một và kết thúc ở Một... Trang Tử gọi thế là: «Xuất cơ, nhập cơ» [2]

Cuộc biến dịch, tuần hoàn trong vũ trụ như vậy thực là có nhịp điệu, tiết tấu, chiều hướng, giai trình. Ta có thể theo dõi sự diễn biến ấy từ đầu đến đuôi được. Tất cả chỉ là một Nguồn sinh hóa diễn biến dần dà từ trung tâm ra tới các tầng lớp bên ngoài, rồi lại chuyển hoá, xoay mình bằng qua các lớp biến thiên từ ngoài vào trong, cho tới Trung Tâm Nguyên Thủy, tạo thành một vòng biến thiên, một vòng sinh hoá có lớp lang, tiết tấu mạch lạc, có nguyên ủy thủy chung.

Vòng đại tuần hoàn này của vũ trụ chẳng qua cũng như tình non nước lúc tan lúc hợp, mà Tản Đà đã ngâm vịnh bằng những lời thơ thấm thiết như sau:

Cho dù sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
Non cao đã biết hay chưa
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non, nước nước, chưa nguôi lời thề.

4- Trông vào đồ hình trên (tâm điểm và hình tròn), ta thấy về phương diện nhân sinh quan, Nho giáo chủ trương con đường lý tưởng của nhân loại có hai chiều, hai mặt khác nhau:

a/ Một chiều hướng ngoại, cốt phục vụ nhân sinh, điểm tô cho ngoại cảnh, cho gia đình, cho quốc gia, xã hội, cho xác thân, cho vấn đề cơm áo, vật chất. Dịch kinh gọi thể là chiều Âm.

b/ Một chiều hướng nội, cốt để tìm cho ra tinh hoa cốt cách con người, tìm cho ra con đường tâm linh, hướng nội để quy căn, phản bản, tìm cho ra Đạo, ra Trời tiềm ẩn nơi lòng mình. Dịch kinh gọi thể là chiều Dương.

Hai chiều hướng Đạo, Trời nói trên rất là quan yếu.

Kinh dịch nơi chương 5 Hệ Từ Thượng viết: «Nhất âm, nhất dương chi vị Đạo. Kế chi giả thiện dã, thành chi giả, tính dã.» 一陰一陽之謂道, 繼之者善也. 誠之者性也.

Tạm dịch: Một Âm một Dương là đạo. Theo được là tốt, thành toàn được là thực hiện được Thiên tính mình.

Dĩ nhiên, tôi sẽ không đề cập đến chiều Âm, chiều phục vụ đời sống gian trần, chiều đem lại phú cường thái thịnh cho giang sơn đất nước, vì đó không phải là chủ đề nghiên cứu của chúng ta hiện nay. Tôi sẽ dùng Tứ thư, Ngũ kinh để đề cập đến chiều Dương, đến một vấn đề mà nhiều người tưởng là sở đoản của Nho giáo, đó là con đường Đạo đức tâm linh, con đường qui nguyên - phản bản.

Những đóng góp của kinh Dịch

Kinh Dịch cho rằng:

- Học Dịch cốt là tìm cho ra tâm điểm của bất dịch, ở giữa lòng mọi biến thiên. (Lôi phong hằng, quân tử dĩ lập bất dịch phương. (xem Đại Tượng quẻ Hằng)

- Học Dịch cốt là để tìm cho ra Căn Cơ, Vĩnh Cửu, Tuyệt Đối, tiềm ẩn sẵn trong lòng mình, trở về được CHÍNH VỊ, THIÊN VỊ, sống hạnh phúc, thanh sáng. Để diễn tả ý ấy:

- Văn ngôn hào lục ngũ, quẻ Khôn có mấy câu bất hủ như sau: «Quân Tử Hoàng Trung thông lý. Chính vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung nhi sưởng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp. Mỹ chi chí dã.» 君子黃中通理, 正位居體, 美在其中而暢於四支, 發於事業, 美之至也.

Dịch:

Hiền nhân thông lý Trung Hoàng
 Tìm nơi chính vị mà an thân mình,
 Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,
 Làm cho cơ thể xương vinh mỹ miều,
 Phát ra sự nghiệp cao siêu,
 Thế là đẹp để đến điều còn chi.

- Học Dịch cốt là: CÙNG LÝ, TẬN TÍNH, CHÍ MỆNH. (Thuyết Quái, chương I)

Cùng lý: Là hiểu biết rành rẽ về nguyên lý sự vật.

Tận tính: Là hiểu biết rành rẽ về Bản Tính cao cả của con người.

Chí mệnh: Là thực hiện được định mệnh sang cả của con người, trở thành thánh nhân sáng láng như hai vầng nhật nguyệt, cao xa như trời đất, uyển chuyển tiết tấu như bốn mùa trời. (Phù Đại nhân giả dữ Thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung... - xem Kiền quái, Văn ngôn, hào cửu ngũ.).

Văn Đạo Tử, gần đây cũng chủ trương rằng học Dịch cốt là để tìm cho ra căn cốt tinh hoa của mình, tìm cho ra định mệnh sang cả của mình, tìm cho ra lẽ phản bản hoàn nguyên, chứ không phải vụ chuyện bói toán, sấm vĩ. (xem Văn Đạo Tử, Giảng Đạo Tinh Hoa Lục, trang 9, quyển I.- Xem Dịch Học Nhập Môn của tác giả).

Dịch Kinh dạy chúng ta phải «Tẩy rửa tâm hồn, rút lui về nơi tâm linh ẩn náu». (Tẩy Tâm, thoái tàng ư mật 洗心退藏於密 - Hệ Từ Thượng chương XI).

Dịch Kinh dạy cho chúng ta biết lẽ đời, lẽ Đạo hết sức là rõ ràng:

Thuận thì sinh nhân, sinh vật,

Nghịch thì sinh Thánh, sinh thần [3]

Tán thời sinh nhân, sinh vật (THÁI CỰC = ÂM + DƯƠNG)

Tụ thời sinh thánh, sinh thần (ÂM+DƯƠNG = THÁI CỰC)

KHÍ + THẦN = ĐƠN [4]

NHÂN + THIÊN = ĐẠO, NHẤT.

Và như vậy: Nương theo dịch lý, Chúng ta có thể khẳng định rằng: Không biết hướng nội, không biết hướng tâm, không biết thu thần định trí, suốt đời hướng ngoại, để cho tâm thần tản lạc vào những công việc vụn vặt, bên ngoài thì không thể nào thành thánh, hiền, tiên, phật được.

Thái Hư thị cũng đã nói: «Đơn Đạo, thánh công, không ngoài công trình hoàn phản». [5]

Những đóng góp của Kinh Thư

Kinh Thư nơi thiên Đại Vũ Mô, tiết 15, cho ta khẩu quyết để thành thánh hiền:

Nhân tâm duy nguy	人心惟危
Đạo tâm duy vi	道心惟微
Duy tinh duy nhất	惟精惟一

Đoãn chấp quyết trung 允執厥中

Dịch:

Lòng của trời siêu vi, huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng,
Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức, giữ nguyên lòng Trời.

Những đóng góp của Kinh Thi

Nơi thiên Đại Nhã đã cho chúng ta thấy cả một hoạt cảnh của dân chúng Trung Hoa thời cổ sơ, với niềm tín ngưỡng rất lạ lùng.

Thửa xa xăm ấy, dân chúng như dây dưa mọc lan man, chưa có nhà cửa sống trong hang cốc (Kinh Thi, chương Đại minh, Miên miên qua điệt)

Họ tin sùng Thượng Đế là tin rằng Thượng Đế sống rất gần gũi với con người. Trong cuộc giao tranh quyết liệt với binh sĩ vua Trụ ở Mục Dã, Võ Vương muốn gây tinh thần cho quân sĩ mình đã kêu lên: Thượng Đế ở với ba quân, ba quân đừng nghi ngại.

Kinh Thi viết:

Quân Thương Ân bạt ngàn Mục Dã,
Một rừng người chặt cả sa tràng,
Cho ba quân thêm dạ sắt gan vàng,
Võ Vương kêu: Thượng Đế ở cùng ta đó,
Ba quân hãy vững lòng, vững dạ. [6]

Lời kêu gọi đó làm cho binh sĩ nhà Châu, hứng khởi, ào lên đánh tan quân Thương Ân trong có một buổi sáng.

Kinh Thi viết thêm:

Nơi Mục Dã mệnh mang rộng rãi,
Xe bạch đàn chói chói chang chang,
Ngựa tứ nguyên phau phau đẹp rõ ràng,
Khương thượng phụ trông oai phong lẫm lẫm,
Ngài như chim ưng xoè tung đôi cánh,
Giúp Võ Vương thế mạnh xiết bao,
Cả phá Thương, ba quân tiến ào ào,
Sau một sáng, trời thanh quang trở lại. [7]

Thời buổi thô sơ ấy, nhân loại đã tin rằng Trời từ đáy thăm lòng sâu tâm hồn, chiếu diệu ánh sáng muôn trùng ra để làm khuôn phép mẫu mực, để ra mệnh lệnh. Các bậc vương giả, hiền nhân thời ấy cố sống sao đức hạnh tuyệt vời, để kết hợp với Trời, để có thể nên vẻ sáng của Trời như Văn Vương. Họ mong muốn được được đức hạnh như Trời (dữ Thiên, đồng đức).

Hễ thấy ai:

Đức sáng quắc sáng choang ở dưới,

Họ liền biết:

Mệnh hiển dương, chói lọi ở trên. [8]

Thời buổi thô sơ ấy, các bậc thánh hiền, vương giả đều tin rằng có Trời ngự trị trong lòng mình. Văn Vương nói:

Chẳng thấy nhãn tiền, nhưng vẫn giáng lâm,

Chẳng phải long đông nhưng vẫn giữ được. [9]

Văn Vương lên tới trình độ đức hạnh siêu việt, nên như vẻ sáng của Thượng Đế, vì thế gọi là Văn Vương, ý nói Thượng đế là chất mà ngài là Văn, là vẻ sáng Trời được phát huy ra.

Kinh Thi viết:

Việc Trời chẳng tiếng, chẳng tăm,

Nên dùng dạng thức vua Văn hiển hình,

Cho muôn dân thấy mà tin. [10]

Kinh Thi viết thêm:

Văn Vương trọn một niềm kính nể,

Làm chói chang Thượng đế ra ngoài,

Muôn nghìn phúc lộc chiêu lai,

Một lòng nhân đức chẳng phai lòng vàng. [11]

Thời buổi thô sơ ấy, dân chúng quan niệm rằng giữ vẹn đạo Trời, ấy là nối chí tổ tiên, ấy là hiếu kính. Mà giữ vẹn đạo Trời chính là sống một cuộc đời vẹn hảo, phối kết tất giao với Thượng đế.

Kinh Thi viết:

Muốn nhớ tới tổ tiên khi trước,

Hãy gắng công tích đức tu thân,

Mệnh trời phối hiệp vào thân,

Muôn ngàn phước lộc xa gần chiêu lai,

Thủ nhà Ân còn thời thịnh trị,

Đã từng Thượng Đế tất giao,

Gương nhà Ân hãy soi vào,

Mệnh Trời cao cả nhẽ nào dễ đâu. [12]

Kinh Thi viết thêm:

Mệnh Trời ấy há đâu có dễ

Muốn cho ta đừng kể tư thân,

Biểu dương phóng phát thiện chân ... [13]

Tóm lại thời buổi ấy, những hiền nhân quân tử đã thông hiểu nhẽ: «**Thiên Nhân tương dữ**», tình Trời người cá nước duyên ưa, thiên ý, nhân tâm hòa hợp. Trời người cùng tấu khúc nhạc hòa hài.

Kinh Thi viết:

Trời xanh dẫn dắt chúng dân,
 Như là tấu khúc nhạc huân, nhạc trì,
 Trời, Người, đôi ngọc chương khuê,
 Bên cho, bên lấy, đề huề, xiết bao,
 Tay cầm, tay giắt, khéo sao,
 Trời xanh, dẫn dắt dân nào khó chi. [\[14\]](#)

Những đóng góp của Kinh Lễ

Xuyên qua Kinh Lễ, ta thấy Nho giáo chủ trương:

Thời nào cũng như thời nào, con người sinh ra ở đời, không thể tự do muốn làm gì thì làm, mà phải tuân theo các định luật tự nhiên, các định luật sinh lý, tâm lý, nhân sinh, các định luật giao tế, xã hội. Tuân theo các định luật thiên nhiên ấy, ta mới có thể tạo cho mình một đời sống lý sự, đẹp, tươi vui, tạo cho mọi người và xã hội an vui, hòa hợp. Đó là điều kiện căn bản để tiến tới Chân, Thiện Mỹ.

Những định luật tự nhiên ấy đã được gắn liền ngay vào cơ cấu, ngay vào bản chất muôn loài, muôn vật, đã được gắn liền vào mọi động tác, mọi hành vi, mọi biến hóa để định thể nào là hay, là phải.

Nhưng, muốn tìm cho ra những định luật thiên nhiên ấy không phải là chuyện dễ.

Ta có thể tìm cho ra những định luật thiên nhiên ấy hoặc bằng trực giác, hoặc bằng phương pháp loại suy, hoặc bằng cách khảo sát lại lịch sử, quan sát hiện tại, hiện tình, hay dùng Dịch Lý mà suy diễn ra. Thế tức là: Muốn tìm ra những định luật thiên nhiên, phải hiểu vật, hiểu người, biết nay, biết xưa, khảo sát lại hiến chương của đời trước, tham khảo lại sự thành bại đời nay. ([Bác vật, Thông nhân, tri kim, ôn cổ, khảo tiên đại chi hiến chương, tham đương thời chi đắc thất](#). -- Lễ ký chính nghĩa, tựa, tr. I. Xem Tổng Bản Thập Tam Kinh, Lễ Ký). [\[15\]](#)

Nhận định trên rất quan trọng về phương diện đạo giáo, về phương diện tu thân, hoàn nguyên phản bản, vì lẽ nó xác định rằng: ĐỊNH LUẬT THIÊN NHIÊN chính là LUẬT TRỜI. Luật Trời ấy đã được ghi tạc ngay trong LƯƠNG TÂM con người, trong tâm khảm con người.

Những định luật gì không phải là thiên nhiên đều là nhân vi, nhân tạo, và không thể nào đem lại hạnh phúc thật sự cho con người, Chân, Thiện, Mỹ, thật cho hoàn vũ.

Chính vì vậy mà nếu ta muốn qui nguyên phản bản mà lại phóng ngoại, mà hướng ngoại tìm cầu, thì chẳng khác nào mò trăng đáy nước, bắt cá ngọn cây.

Những đóng góp của kinh Xuân Thu

Kinh Xuân Thu, theo Đồng Trọng Thư, đưa ra hai ý niệm triết lý và đạo giáo sau đây:

- Trời Người có quan hệ mật thiết với nhau,
- Con người đúng với danh nghĩa của nó, phải toàn thiện, hoàn hảo như Trời.

Đồng Trọng Thư cho rằng sách Xuân Thu cốt là để xiển minh cái quan niệm THIÊN NHÂN TƯƠNG DŨ, Nghĩa là Trời và Người có quan hệ mật thiết với nhau. Trời là Tổ của vạn vật, là tổ của con người. (Xem Trần Trọng Kim, Nho Giáo, II, tr.35).

Cho nên, khi ta mới sanh, chưa phải là người, vì con người xứng đáng với danh hiệu nó phải hoàn toàn như Trời. (Trần Trọng Kim, Nho giáo II, tr.35.)

Thế tức là, trong con người đã sẵn có Thiên Chân, Thiên tính, và đã sẵn có mầm mống hoàn thiện.

Con người có bốn phận làm triển dương mầm mộng hoàn thiện ấy, cho tới tinh vi cao đại. Chính trị, có bốn phận hướng dẫn, giáo hóa dân, thành toàn sứ mệnh cao cả ấy.

Những đóng góp của sách Đại Học

Nho giáo trước sau vẫn chủ trương rằng: Trời chính là căn bản, là gốc gác con người. Cái gốc gác, căn bản ấy lại tiềm ẩn, sâu xa, trong đáy lòng nhân loại, để làm Bản tính nhân quần.

Bản tính Trời, ấy là Gốc, mọi việc khác như tâm tư, thân xác gia đình quốc gia, xã hội thiên hạ, sự v.v... là thân là cành, là ngọn. Không biết được gốc, làm sao mà trị được ngọn, không hiểu được Trời, làm sao hiểu nổi người. (*Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri Thiên*. 思知人, 不可以不知天. – Trung Dung, chương XX.) [\[16\]](#)

Cho nên Đại Học chủ trương rằng người quân tử phải cố gắng học hỏi, mài miệt suy tư, để tìm cho ra cái khuôn Trời, cái Gốc Trời nơi mình. (cách vật) [\[17\]](#). Đó là cái học cao siêu nhất, rốt ráo nhất (trí tri) rồi ra mới có thể « chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ được.»

Tất cả chủ trương trên, đã được trình bày ngay ở đầu sách Đại Học.

Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc lương tâm cương quyết phát huy,
Dậy dân lối sống tân kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng,
Có mục phiêu rồi lòng sẽ định,
Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan,
Hết lo, lòng sẽ bình an,
Bình an, tâm trí rộng đàng sét suy,
Suy xét rộng, tinh vi thấu trọn,
Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi,
Trước sau đã rõ khúc nôi,
Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi,
Muốn Đức sáng truyền đi thiên hạ,
Người xưa, lo cải hóa dân mình,
Trị dân, trước trị gia đình,
Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên,
Muốn sửa mình, Tâm nên sửa trước,
Sửa tâm hồn trước cốt Ý hay,
Ý hay phải học cho dày,
Dày công học vấn sẽ hay KHUÔN TRỜI. [\[18\]](#)
Hay Khuôn Trời, ắt thôi thấu triệt,
Thấu triệt rồi ý thiết lòng ngay,
Lòng ngay ta sẽ hóa hay,

Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên,
 Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
 Nước trị bình, bốn bể bình an,
 Từ vua cho tới dân gian,

Tu thân, một mực lấy làm căn cơ... (Đại Học, I).

Những đóng góp của sách Luận Ngữ

Xuyên qua đời sống đức Khổng, xuyên qua tâm tư, ý nguyện, xuyên qua những lời giảng giáo của đức Khổng trong Luận Ngữ, ta sẽ rút tỉa ra được những bài học sau đây:

1. Con người phải có niềm tin vững mạnh về định mệnh sang cả của mình. Khi bị vây ở đất Khuông đức Khổng đã nói:

‘Văn Vương đã thác rồi, vẻ sáng ấy chẳng ở lại nơi ta sao? Nếu Trời muốn để mất vẻ sáng ấy, thì khi Văn Vương đã thác, chẳng có ban nó cho ta. Bằng Trời chưa muốn mất vẻ sáng ấy, thì người đất Khuông làm được gì ta (Luận ngữ IX, 5)

2. Người quân tử phải biết **lẽ Nhất quán của Trời Đất**.

Đức Khổng nói: **Ngô Đạo Nhất dĩ quán chi** 吾道一以貫之. (Luận Ngữ, IV, 15).

Thế tức là có thể dùng chữ Nhất, mà tổng hợp, mà quán xuyên hết cả đạo Nho.

Nhất, như trên đã trình bày:

Là căn nguyên muôn loài, muôn vật,

Nhất là nguồn gốc mọi biến hóa.

Nhất là cùng đích muôn loài.

Con người từ Nhất từ Trời mà ra,

Chung cuộc lại trở về phối hợp với Nhất với Trời.

Đó chính là cái đạo Phối Thiên, đó chính là Trung Đạo (Luận Ngữ, XIII, 21) đó chính là Thiên Đạo, là cái Đạo mà sáng được nghe, chiều chết cũng cam. (Luận Ngữ, IV, 8)

3. Người đạo hạnh thực sự chỉ cần sống thuận thiên lý. [\[19\]](#)

Nghe, nhìn, nói, làm, luôn luôn phù hợp với định luật tự nhiên của đất trời. [\[20\]](#)

4. Người đạo hạnh thực sự phải biến đời mình thành một bài kinh trường thiên.

Đó chính là câu: **Khâu chi đảo cửu hĩ** 丘之禱久矣 của đức Khổng (Luận Ngữ VII, 34)

5. Người hành đạo thực sự phải sống phối kết với Trời, phải bắt trước Trời mà hành sự.

Đức Khổng nói: «Ta muốn thôi không nói nữa» Tử Cống nói: «Nếu thầy chẳng nói, bọn đệ tử chúng tôi làm sao đem lời dạy của thầy mà truyền lại đời sau cho được?» Đức Khổng đáp: «Trời có nói gì đâu mà bốn mùa vẫn vùn xoay, vạn vật luôn sinh hóa. **Trời có nói gì đâu?**» (Luận Ngữ, XVII, 18).

6. Người đạo hạnh thực sự sẽ đạt tới **tứ tuyệt** 四絕 như Khổng tử. (Luận Ngữ, IX, 4)

Vô ý 毋意 : Không còn tình ý riêng tây.

Vô tất 毋必 : Không còn bị ngoại cảnh gò bó.

Vô cố 毋固 : Không cố chấp, mà cởi mở, mà khoan quảng, hòa đồng.

Vô ngã 毋我 : Không còn cái tiểu ngã, không còn cái mình nhỏ nhoi ti tiện, mà hoàn toàn **bác hậu phối địa, cao minh phối thiên** 博厚配地 高明配天. (Xem Trung Dung, chương XXVI)

Những đóng góp của sách Mạnh Tử:

Mạnh tử là người đóng góp khá nhiều vào công trình khám phá cho ra con đường Qui nguyên phản bản của đạo Nho.

1. Ông dứt khoát chủ trương phải quay về tâm mà tìm đạo, tìm Trời. Nơi chương Tận tâm thượng ông viết:

«Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tinh thành.
Kiện toàn, hoàn thiện tinh anh,
Vui nào hơn được vui mình đang vui. [21]

2. Ông cho rằng trong thâm tâm ta đã sẵn có con đường đưa tới Đạo tới Trời, nhưng con đường ấy đã bị lau lách đục tình vùi lấp mất. (**Kim mao tắc tử chi tâm hĩ** 今茅塞子之心矣 - Mạnh Tử, Tận Tâm Chương Cú Hạ.)

3. Ông khuyên mọi người thu hồi con tim phóng đảng luân lạc nơi ngoại cảnh trở về (**Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ** 學問之道無他, 求其放心而已. - Mạnh Tử, Cáo Tử, chương cú thượng, câu II)

4. Ông chủ trương rằng: Đi sâu về phía tâm linh, sẽ tìm ra được Thiên tính, sẽ tìm thấy Thượng đế tiềm ẩn sẵn trong lòng con người. Nơi chương Tận Tâm Thượng ông viết: «Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ. 盡其心者, 知其性也. 知其性則知天矣.» Tạm dịch:

Thấu triệt lòng, sẽ hay biết tính,
Hay biết tính, nhất định biết Trời. [22]

5. Ông cho rằng: Bảo toàn được tinh hoa cốt cách con người, bảo toàn được thiên tính, đó là chân đạo, đó là cách phụng sự Thượng đế tốt đẹp nhất. Ông viết: «Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã. 存其心, 養其性, 所以事天也.» Tạm dịch:

Tồn tâm dưỡng tính chẳng rời,
Ấy là giữ đạo, thờ Trời chẳng sai... [23]

6. Vì ông trực giác được rằng Bản thể tuyệt đối, đã tiềm ẩn sẵn trong đáy lòng con người, vì ông trực giác được rằng Thượng đế đã tiềm ẩn trong đáy lòng nhân loại để làm căn cơ gốc gác cho con người để làm khuôn phép, mẫu mực cho con người, nên ông mạnh dạn chủ trương:

BẢN TÍNH CON NGƯỜI THỜI HOÀN THIỆN (Mạnh Tử Cáo Tử thượng, 2) [24]

7. Mạnh Tử cũng là một trong những triết gia Nho giáo đã phân tách được rằng:

Dưới lớp nhân tâm còn có Thiên tính,
Dưới lớp Nhân dục, còn có Thiên lý làm chủ chốt.
Nhân tâm thời bất toàn.
Thiên tính thời vẹn hảo.

Nhân tâm mới chỉ là mằm mọng của sự toàn thiện, mới chỉ gồm có những mối manh hoàn thiện, như lòng trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi.

Thiên tính mới là sự hoàn thiện tuyệt vời, gồm đủ cả Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. (Mạnh Tử Công Tôn Sửu thượng câu 6) [\[25\]](#)

8. Bồi dưỡng nhân tâm, cho nhân tâm triển dương tới mức độ tuyệt vời của thiên tính, kế hợp được với thiên tính, đó chính là công trình tu thân mà Mạnh Tử chỉ vẽ cho chúng ta... (Mạnh Tử Công Tôn Sửu thượng, 6) [\[26\]](#)

Những đóng góp của sách Trung Dung

Xưa nay ai cũng công nhận rằng Trung Dung là tâm pháp của Nho giáo. Sách bắt đầu bằng chữ Thiên. Từ đó suy diễn ra Tam Đức (NHÂN, TRÍ, DŨNG), Ngũ Luân (Quân thần, phụ tử, phu phụ, côn đệ, bằng hữu) Cửu kinh (chín phép trị nước) Xem Trung Dung chương I,XX). Sau đó lại dùng Cửu kinh, Ngũ luân, Tam đức như là những bậc thang thần giúp cho con người triển dương, tiến hóa đến cùng cực tinh hoa (T.D 1) [\[27\]](#), đến Trung Dung, Trung Đạo [\[28\]](#), đến chỗ kết hợp với Trời mà Trung Dung gọi là Phối Thiên.[\[29\]](#) Như vậy sách Trung Dung cũng kết thúc bằng chữ Thiên, vô thanh, vô xú.

Sách rất cao siêu, nhưng cũng khó hiểu. Chính vì thế mà chúng ta cũng nên đặc biệt để tâm khai thác những điều huyền nhiệm mà Trung Dung tàng trữ bấy lâu, để đóng góp vào công trình đi tìm con đường Qui nguyên phản bản...

1. Hai chữ Trung Dung:

Chữ Trung, theo từ nguyên, là một mũi tên bắn trúng hồng tâm. Hội ý tiên nho, nhất là Trình Tử và Chu Hi, tôi đã giải hai chữ Trung Dung như sau:

Trung là tâm điểm,

Dung là hằng cửu, bất biến.

Như trên tôi đã trình bày, trong vòng biến thiên ảo hóa của vũ trụ, vạn hữu chỉ một tâm điểm bất biến, hằng cửu, ấy là Bản thể tuyệt đối, là Thái cực, là Đạo, là Trời.

Chính vì thế mà Kinh Dịch đã vẽ Thái cực ở tâm điểm vòng Dịch, còn các quẻ tượng trưng cho vạn hữu, hình tượng biến thiên bên ngoài thì vẽ lên vòng tròn bên ngoài, lên vòng biến dịch bên ngoài.

Tâm điểm vì ở giữa vòng biến thiên của vạn hữu, nên không hề nghiêng lệch bên nào. Tâm điểm, vì là cơ cấu, là căn cơ gốc gác muôn loài, nên cũng không dựa nương vào đâu. Chính vì thế mà Trình Tử mới nói: Trung là **Bất Thiên, Bất Y**.

Muôn loài, muôn vật biến thiên, ắt phải có một căn do bất biến hằng cửu làm chủ chốt. Chính vì thế mà Trình Tử giải: DUNG là Bất Dịch. Thế tức là chỉ với hai chữ TRUNG DUNG, đức Khổng đã vạch ra cho chúng ta cả một chương trình hành động, cả một con đường giải thoát.

Nghĩa là:

Sống trong muôn ngàn hiện tượng biến thiên, chúng ta phải tìm cho ra căn cơ bất biến.

Ở đâu có biến thiên, ở đấy có căn cơ làm chủ chốt.

Ở nơi con người ta, có đầy dẫy mọi hiện tượng biến thiên. Như vậy trong con người chúng ta, phải có một căn cơ bất biến làm chủ chốt.

Mà như trên đã trình bày, chỉ có trời có Đạo, có Thái cực mới bất biến. Suy ra: trong ta, chắc chắn phải có Đạo, có Trời, có một nguồn sống siêu nhiên vĩnh cửu làm chủ chốt.

Cái gì còn biến thiên thì còn ở trong vòng sanh tử. Cái gì bất biến mới thoát ra ngoài vòng biến thiên

sinh tử. Thế nên, nếu con người muốn thoát vòng sinh tử, Phải đạt cho được tới TÂM ĐIỂM BẤT BIẾN, đạt tới TRUNG DUNG.

Đức Phật cũng đã nói: «Hỡi các tỳ khưu, có một thực trạng bất sinh, bất thành, bất ý, bất tạp, vì nếu không có thực trạng ấy, thì làm sao giải thoát được cái sinh, thành, ý, tạp.» [30]

Vivekananda cũng đã viết: Chúng ta trước hết phải đi tìm cho ra một tâm điểm phát sinh ra mọi bình diện sinh hoạt khác. Khi đã tìm ra được tâm điểm rồi, chúng ta mới mong tìm ra được một giải pháp. Đó là chương trình của chúng ta. Tâm điểm ấy ở đâu? Thừa nó ở ngay trong lòng ta. Các hiền triết cổ thời đã tìm sâu mãi vào tâm con người, cho đến khi khám phá ra được rằng TÂM KHẮM CON NGƯỜI CHÍNH LÀ TRUNG TÂM VŨ TRỤ.

Tất cả mọi bình diện khác đều xoay quanh tâm điểm duy nhất ấy, và chỉ từ đó, chúng ta mới tìm ra được giải pháp chung cho mọi người.» [31]

Văn Đạo Tử cho rằng: TÂM ĐIỂM chính là Thiên Đạo.

Vào được tâm điểm của lòng người, tức là vào được tâm điểm của vòng Dịch, tức là thoát luân hồi sinh tử, tức là vào được trục pháp luân theo danh từ của Phật giáo.

Ta hãy nghe Văn Đạo tử Tử trình bày: « Thiên đạo cư trung lập cực, nên vận chuyển muôn loài không sai thất, cũng như trong bánh xe, các vành xe và tai hoa xe vận chuyển không ngừng là nhờ trục xe. Nếu ta giữ vững được Trung điểm, tận dụng được Thái Cực, thì có thể chuyển vận vạn vật và có thể góp phần được với trời đất trong công trình hóa dục.

Cho nên người quân tử tu nhân đạo để hợp thiên đạo. Hợp thiên đạo tức là vào được trục của vòng Dịch, thoát ra ngoài vòng kiểm tỏa của hiện tượng, hỗ trợ muôn vật mà không tư vương dính bén muôn vật, xoay chuyển vòng biến Dịch mà chẳng chuyển dịch với bánh xe biến thiên luân hồi.» [32]

Hoàng đế nói: «Vũ trụ ở trong tay, vạn hóa sinh trong mình.»

Phật nói: «Thu bể khơi vào trong sợi lông, đem núi TU DI lồng vào trong hạt cải, đâu phải là thuật lạ. Bất quá là các ngài đã nắm được trục của pháp luân. Ôi vi diệu thay, trục của pháp luân, hỏi mấy ai đã biết? Chẳng rõ được trục mà chỉ biết nói pháp luân, luôn vận chuyển, thì chóng thì chày cũng bị vận chuyển theo pháp luân, làm sao thoát vòng sinh tử được?»

Như vậy nếu ta hiểu Trung Dung là Tâm Điểm Bất Biến, Nếu ta đặt hai chữ Trung Dung vào Tâm điểm vòng tròn, ta sẽ có ngay một chìa khóa thần để mở các chốt then Đạo Giáo, thấu triệt được huyền cơ vũ trụ và con người. Thực vậy, nếu ta nhận định rằng Tuyệt đối hằng cửu bất biến ở tâm điểm vòng biến dịch, ta sẽ định ngay được rằng Tuyệt Đối Hằng Cửu ở ngay tâm điểm, ở ngay Trung Tâm Điểm não bộ ta, vì đầu ta chính là một hình tròn, vì não bộ ta chứa đựng muôn biến hóa. Lão Giáo gọi trung tâm não bộ là HUYỀN QUAN KHIẾU, là CỐC THẦN, là NÊ HOÀN. Phật giáo Tây Tạng với lời chú: Oum Mani Padme Hum đã xác nhận rằng giữa bông hoa sen nghìn cánh, não bộ con người đã có sẵn ngọc châu viên giác...

Học giả Lilian Silburn, trong tác phẩm Instant et Cause đã viết: «Tìm ra được chân tâm tương đương với Brahman Thượng đế, vừa là tâm điểm của lòng mình, vừa là tâm điểm của vũ trụ, là một khám phá lớn lao của các vị đạo sĩ Bà La Môn, sự khám phá này đã dẫn tới sự hình thành của bộ Áo Nghĩa Thư.» [33]

2. Những nét đặc thù của Trung Dung:

A. Con người với Trời có đồng một bản tính..

Trung Dung với mấy chữ vẫn vôi:

Thiên mệnh chi vị Tính nơi đầu sách đã cho chúng ta thấy rằng: Con người muốn bước vào Thiên đạo, muốn phản bản hoàn nguyên, trước hết phải có một nhận thức nghiêm chỉnh về bản thể mình, về bản tính mình. Trung Dung cho rằng bản tính con người là Thiên tính. Nói nôm na Bản tính con người và bản tính Trời là một.

Thế tức là sau những bộ mặt nạ hóa trang mà sân khấu đời đã bắt ta mang, sau những lớp bùn đất thời gian, ngoại cảnh, của những con người thực tại (Le moi empirique), còn đang luân lạc trong chốn hồng trần, còn có bộ mặt vô cùng xinh đẹp của con người lý tưởng (Le moi idéal) ẩn khuất ở bên trong. Bộ mặt đó, người Á Đông thường gọi là Bản Lai Diện Mục.

Từ khi tôi khám phá ra được điều quan trọng này, tôi đã dùng nó như một kim chỉ nam để tìm cho ra đại Đạo khuất lấp trong những cánh rừng sâu tôn giáo và triết học trên thế giới.

Gần đây, có dịp đọc quyển Lịch Đại Cao Tăng Cổ Sử, tôi thấy đại sư Đạo Sinh, sống vào thời đại Nam Bắc triều bên Tàu, đời Lưu Văn Đế (424- 453) Cũng đã có chủ trương y hệt tôi. Đạo Sinh quả quyết rằng: Nhà Nho gọi là Thiên Mệnh, thì nhà Phật gọi là Phật tính, mà Phật tính tức là Thiên tính. [34]

Bà La Môn cũng cho rằng: con người chân thực trong chính ta là Atman, là Brahman Thượng đế. Phật giáo nhất là trong kinh Đại Niết Bàn đã chủ trương rằng: Mọi người đều có Phật tính.

Thánh Kinh Công giáo cũng có một câu làm tôi hết sức sung sướng đó là: **Thượng đế chính là sự sống của bạn.** [35]

Nếu Thượng đế là sự sống của chúng ta, thì chắc chắn ngài là bản thể của ta vậy.

Hội nghị Thông thiên học quốc tế họp tại Salzburg nước Áo, năm 1966, cũng có những lời tuyên ngôn hết sức nẩy lửa. ví dụ:

- Trong ta có một vô cùng. [36]

- Giác ngộ tâm linh sẽ mặc khải cho thấy yếu tố thần linh duy nhất trong tâm thần mọi người. [37]

- Thời buổi này cần phải nhận chân rằng trong mọi người có một tàn lửa Thiên Chân, và những khả năng vô tận, vô biên. [38]

Tôn giáo xưa cho rằng Trời và người xa cách nhau, phẩm và chất xa cách nhau. Thông Thiên ngày nay dạy rằng: Trời Người là Một. [39]

B.- Nhân tâm thuận tòng Thiên tính, Thiên lý thể là chân đạo. (Suất tính chi vị đạo).

Theo Trung Dung đạo Trời thật chí giản chí dị. Muốn theo đạo Trời, muốn theo Thiên lý, con người chỉ cần lắng nghe tiếng gọi của Lương Tâm. Trung Dung gọi thể là Suất Tính.

Lương tâm luôn luôn dạy ta làm điều cao đại minh chính, luôn luôn dạy ta Từ Bi Hỉ Xả, Coi người như mình, trọng lễ nghĩa, khinh lợi.

Còn tâm tư chúng ta luôn luôn làm những điều tà ngụy, bất trung, bất chính, ích kỷ, hại nhân, luôn luôn muốn vọng hành, vọng niệm.

Như vậy thuận tòng thiên lý, tức là gạt bỏ những điều tà ngụy, để tiến tới công chính, từ bỏ mọi điều ti tiện cục cằn để vươn lên tới tinh hoa cao đại.

Bà H.P Blavastsky, trong quyển Mật giáo (Doctrine Secrète) đã viết: Chỉ có nguyên lý tuyệt đối, bất khả tư nghị, căn nguyên vạn hữu mới đáng có đền thờ và bàn thờ trong khu đất thiêng liêng và u tịch của lòng ta. Nguyên lý ấy mình không thấy, bắt không được, mung lung huyền ảo, nhưng ta vẫn có thể cảm

thấy được qua trung gian tiếng nói thầm lặng của lương tâm. Kể nào thờ phượng Nguyên lý tuyệt đối ấy, phải thờ trong yên lặng và trong sự u tịch thiêng liêng ấy của tâm hồn mình. [40]

Bà Blavatsky còn viết: «Atman, Đại ngã ... sẽ tỏ quyền năng cho kẻ nào có khả năng nghe được tiếng nói thầm lặng của lương tâm... Từ thừa ban sơ cho đến thời hiện đại, không một triết gia chân chính nào mà không mang trong đền đài u tịch của tâm hồn mình chân lý cao đại và huyền diệu đó. Nếu là trường hợp người được điểm đạo, thì sự học biết về lương tâm lại trở thành một khoa học thiêng liêng»

[41]

C. Trời, luật trời, Đạo trời chẳng hề rời xa con người một phút giây.

Đọc câu **Đạo dã giả bất khả tu du ly dã** 道也者不可須臾離也 nơi đầu sách Trung Dung tôi đã tìm ra được ba nhận định hết sức quan trọng của người xưa về đạo giáo.

1. Một là trời chẳng hề xa con người.

2. Hai là luật trời chẳng hề có ở ngoài con người, mà đã được ghi tạc ngay trong tâm khảm, thâm tâm con người.

3. Ba là Chân đạo hay là con đường dẫn người tới Trời đã có sẵn ngay trong tâm hồn mỗi một người.

Tôi cho rằng đó là những quan niệm hết sức xác đáng.

Trời chẳng hề xa con người.

Nếu trời là căn cơ gốc gác con người, thì Trời làm sao mà rời xa con người được?. Chính vì tin rằng Trời chẳng lià xa mình, nên người quân tử trong đạo Nho luôn luôn e dè kính cẩn, dẫu là khi ở một mình.

E dè cái mắt không nhìn,
Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng.
Càng ẩn náo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều,
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng
(Trung Dung chương I)

Luật Trời chẳng lià xa con người.

Chương XII Trung Dung viết:

Đạo luôn gần gũi người đời,
Những ai lập đạo xa rời chúng dân,
Hiếu kỳ lập dị là nhầm.

Kinh Thi viết:

Đẻo cán rìu có liền bên cán mẫu,
Trông lại nhìn cổ đấu cho in.
Ngắm đi, ngắm lại liền liền,
Đẻo lui đẻo tới mắt xem chưa vừa,
Nên người quân tử, khi lo giáo hóa,

Sửa trị người sẵn có khuôn người,
Thấy người giác ngộ thời thôi,
Đã chiều cải hóa liệu bài ta ngưng.

4. Con đường từ người dẫn đến Trời đã có sẵn trong tâm thân con người.

Nhận định này chỉ là một sự suy diễn tự nhiên của quan niệm Trời chẳng xa người đã đề cập ở nơi trên. Thực vậy đạo chẳng qua là sự tìm ra được Trời ngự trị trong lòng mình, tìm lại được bản tính thần minh sáng cả của mình, bắc được nhịp cầu giữa lòng mình với Thần Trời trong mình, phạt quang được gai góc, lách lau của thất tình, lục dục, phá tan được lớp sương mù dày đặc của sự ngu si mê vọng. Cho nên con đường trở về Thiên quốc, con đường quy nguyên phản bản Nho giáo, không thể nào tìm thấy được trên muôn vạn nẻo đường của trần ai ngoại cảnh, của muôm dặm thình không mà chính là đã có sẵn trong tâm thần chúng ta.

Chu Hi khi bình chương nhất Trung Dung viết:

Tử Tư nương ý chân truyền,
Trung Dung hạ bút nói liền duyên do,
Nguồn đạo ấy phát từ Thượng Đế,
Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời,
Hoàn toàn đầy đủ nơi người,
Một giây một phút chẳng rời khỏi ta.

Rồi bàn tiếp chi là cần thiết, lễ Dưỡng, Tồn, Tĩnh, Sát v.v. Cuối cùng, tác giả luận bàn,
Sức thiêng biến hóa thánh thần uy linh.

Những học giả muốn tìm đạo ấy,
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai,
Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung.
(chương nhất, lời bình của Chu Hi).

Thông Thiên học cũng chủ trương phải tìm Đạo, tìm Trời ngay trong lòng mình. Ông Joy Mills, trong một bài thuyết trình tại đại hội Thông thiên quốc tế ở Salzburg, có trích dẫn một đoạn Upanishad như sau:

Có một ánh sáng chiếu soi khắp cùng trời đất, đó là ánh sáng chiếu soi trong lòng chúng ta. Có một nhịp cầu nối liền thời gian và vĩnh cửu, và nhịp cầu ấy là Thần con người. Trên cầu ấy, chẳng có ngày đêm, chẳng có lão tử, chẳng có sầu muộn ưu tư.

Một khi đã tìm thấy nhịp cầu ấy, con người sẽ nhìn thấy rõ tương lai và sẽ khỏi hết thương tích, bệnh tật. Đối với ai đã vượt được qua cầu ấy, đêm sẽ trở thành như ngày, vì trong thế giới thần linh, có một ánh sáng vĩnh cửu. [\[42\]](#)

Đại hội Thông Thiên ở Salzburg còn nhận định rằng: «Người ta thấy được Thượng Đế trong tạo vật Ngài. Ngay trong lòng mình, con người có thể tìm thấy đời sống Thượng đế. Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này cũng vĩ đại như sự khám phá ra nguyên tử năng. Nó cho con người quyền lực tinh thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người một sức mạnh kỳ diệu.» [\[43\]](#)

C. Những phương pháp tổng quát để tiến tới Trung Dung, tới tuyệt điểm tinh hoa.

Sau khi đã vạch rõ cho con người thấy rằng mình có một căn cơ hết sức sang cả, đó là Thiên tính, sau khi đã cho con người thấy rằng, Trời và định luật Trời, con đường đưa về Trời đã có sẵn cả trong tâm, Trung Dung đề ra ba phương pháp chính yếu để giúp con người tiến tới hoàn thiện.

Mở mang trí tuệ để đi đến chỗ đại trí, đại giác. Đó là TRÍ.

Luôn luôn thực thi những điều hay, để trở nên hoàn thiện. Đó là NHÂN.

Cố gắng không ngừng để đi đến chỗ tinh vi cao đại. Đó là DŨNG.

Trung Dung (ch. XX) viết:

Muốn thông thái không ngoài học vấn,
Muốn tu nhân phải gắng công lao,
Muốn nên hùng dũng, anh hào,
Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm.
Trí, Nhân, Dũng, tu thân ấy lý,
Biết tu thân ắt trị nổi người,
Trị người hiểu biết khúc dồi,
Con thuyền thiên hạ âu tài đẩy đưa...

Muốn phát huy những năng lực nội tại, những đức tính nội tại, con người không cần phải vào thâm sâu cùng cốc, mà chỉ việc vui sống với mọi hoàn cảnh mình gặp trên bước đường đời (Trung Dung XIV), mà chỉ cần kiên gan bền chí, đừng bán đồ nhi phế (Trung Dung XI).

D. Mục đích của con đường phản bản hoàn nguyên là PHỐI THIÊN.

Sau khi đã dùi mài học hỏi, suy tư đến mức khai thông được trí huệ, sau khi đã tha thiết thực thi những điều hay, điều phải đến mức Nhân Đức vẹn toàn, sau khi đã cố gắng phát huy được những năng lực tinh thần, để có thể tiến tới mức tinh vi cao đại, đến chỗ chí cao, chí mỹ, chí thành, chí thiện lúc ấy con người sẽ đạt đích.

Trung Dung gọi sự đắc đạo, đạt đích là đạt tới Trung Dung. Trung Đạo, là «Thung dung Trung Đạo», là PHỐI THIÊN, là sống phối kết, hợp nhất với THƯỢNG ĐẾ.

Trung Dung (ch. XXXI) phác họa bậc thánh nhân ấy như sau:

Chỉ có đáng chí thánh trong trần thế,
Mới có đầy đủ thông minh trí huệ,
Y như thể có Trời ẩn náo, giáng lâm,
Mới khoan dung, hòa nhã, ôn thuận,
Y như thể có dung nhan Trời phát phưởng,
Phấn phát tự cường, kiên cương, hùng dũng,
Y như là đã cầm giữ được sức thiêng,
Trang trọng, khiết tịnh, trung chính, triền miên,
Y như thừa hưởng đôi phen kính cẩn,

Nói năng văn vẻ, rõ ràng, cẩn thận,
 Y như là đã chia được phần thông suốt, tinh vi.
 Mệnh mang sâu thẳm ứng dụng phải thì
 Mệnh mang như khung trời bao la vô hạn,
 Sâu thẳm như vực, muôn trùng sâu thẳm thẳm,
 Thấy bóng Ngài dân một dạ kính tôn,
 Nghe lời Ngài dân tin tưởng trọn niềm,
 Ngài hành động muôn dân đều hoan lạc.
 Nên thanh danh Ngài vang lừng Trung quốc,
 Vượt biên cương lan tới các nước ngoài,
 Đâu xe có thể đi, người có thể tới lui,
 Đâu có được trời che, và đất chở,
 Đâu còn có nhật nguyệt hai vàng tỏ mở,
 Đâu có móc động, đâu có sương rơi,
 Đâu còn có dòng máu nóng con người.
 Ở nơi đó, Ngài vẫn được tôn sùng quý báu,
 Thế nên gọi là «CÙNG TRỜI PHỐI NGÃU».

Phần đúc kết

Trên đây tôi đã dùng Tứ Thư, Ngũ Kinh phác họa lại con đường phản bản, hoàn nguyên. Tôi đã đi vào nhiều chi tiết, viện dẫn nhiều chương cú, để trình bày cặn kẽ cho các khía cạnh, các giai đoạn của con đường đó. Trong khi làm công việc đó, tôi sợ đã làm tản mạn tâm tư của quý vị. Để đền bù lại, tôi xin toát lược thực giản dị lập trường và chủ trương của Nho giáo về vấn đề Qui Nguyên Phản Bản như sau:

Muốn phản bản hoàn nguyên, phải nhận ra được rằng mình có Thiên tính, mình là dòng dõi Trời, là những vì thiên tử, những vì con của Thượng Đế luân lạc xuống cõi hồng trần này, cho nên phải phấn đấu để phục hồi nguyên vị cũ, trở lại quê hương cũ.

Thứ đến phải nhận định được rằng Trời hay Đạo chẳng có ở đâu xa, mà đã tiềm ẩn ngay trong lòng con người. Như vậy liền biết được ngay là muốn tìm Đạo, tìm Trời phải trở về nơi tâm mà tìm kiếm.

Vì trong ta có Trời, có thiên tính, cho nên muốn trở về với Trời phải rũ bỏ phàm tâm, nhân tâm để mặc lấy Thiên tâm, Thiên tính.

Mà nhân tâm là những gì bất toàn, những gì qui ước, những gì nhân vi nhân tạo, những gì phản ánh lại hoàn cảnh lịch sử, địa dư, chủng tộc, phong hóa, tập quán bên ngoài.

Mà Thiên tính là những gì toàn hảo, chí công, chí chính, siêu không gian và thời gian, những gì thiên nhiên, thiên tạo.

Rũ bỏ nhân tâm, phàm tâm. Mặc lấy Thiên tâm tức là vượt lên trên những gì biến thiên, để đi vào vĩnh cửu, vượt lên trên sinh tử, để đi vào trường sinh, vượt lên trên những gì ti tiện, để trở về tinh hoa, cao đại, vượt lên trên khiếm khuyết, bất toàn, để thực hiện viên mãn, toàn hảo.

Có làm song được công trình này mới mong hợp nhất được với Thượng Đế, Phối Thiên, Phối mệnh,

Thung dung Trung Đạo, duy Nhất, duy Tinh.

Cách đây hơn hai mươi năm, trong khi soạn thảo Trung Dung, tôi đã đúc kết lại Tinh hoa đạo Nho bằng ít vần thơ lục bát. Những vần thơ ấy đồng thời cũng phác họa lại con đường Phản Bản Hoàn Nguyên của Nho giáo, nay xin đem cống hiến quý vị và cũng là để tổng kết lại đề tài này:

Luân lạc mãi tới bến bờ xa lắc,
 Trong đêm tăm, phiêu dạt biết về đâu,
 Lênh đênh sống trên trùng dương thời khắc,
 Chẳng buông neo, dừng lại được ngày sao?
 Biên khu luân lạc từ bao,
 Tìm sao cho thấy đường vào Trung Dung,
 Đường Trung Dung linh lung ẩn khuất,
 Nẻo Bồng Lai gai dấp, lau che, (Mạnh Tử Tận tâm chương cú hạ)
 Bao giờ mới tỉnh giấc mê,
 Bao giờ tâm tư mới hướng về tinh vi?
 Bao giờ cái thế nguy mới hết,
 Biết bao giờ Nhân hiệp với Thiên?
 Bao giờ Thiên mệnh sáng lên,
 Trời mây khắp chốn ấm êm, hiệp hòa
 Gấm cho kỹ Tính là thiên mệnh, (Trung Dung I)
 Là tinh hoa, là chính đạo Trời,
 Vầng trăng minh đức sáng ngời,
 Mà mây nhân dục lấp vùi mất trăng.
 Nhưng trăng sáng muôn năm vẫn sáng,
 Mây dù che, chẳng phạm đến trăng,
 Chử e trần thế tối tăm,
 Con đường phiêu lãng muôn phần gian lao.
 Trời cao cả nhẽ nào chẳng sợ,
 Trời chẳng xa, trời ở đáy lòng.
 Cho nên nội kính, ngoại cung, (Trung Dung I)
 Mắt nhìn chẳng thấy, tưởng chừng kề bên,
 Trời tuy thị vô biên, vô tận,
 Nhưng mà trời vẫn lẫn trong tâm.
 Thật là kỳ ảo khôn cùng,
 Không hơi không tiếng vẫn lừng uy danh.
 Khuôn phép Trời chí thành chí thiện,

Tiếng của Trời là tiếng lương tâm,
Mới hay trong chốn cát lăm,
Muôn ngàn đã sẵn vô ngàn ngọc châu,
Mới hay giữa sông sâu, núi thẳm,
Vẫn có đường bằng phẳng thênh thênh,
Đường Trời rong ruổi mặc tình,
Không xiên, không vẹo, không vênh, không tà,
Đường Trời nọ bao la thẳng đặng,
Không quanh co, không vặn, không xiên,
Đường Trời phẳng lặng êm đềm,
Không hề tráo trở, đảo điên vạy vò,
Đường Trời nọ thẳng vo thẳng tắp,
Vút một lèo tới cực cao minh,
Đó là duy Nhất, duy Tinh, (Kinh Thư, Đại Vũ Mô)
Đó là Thái cực tinh thành xưa nay.
Cuộc phù thế chớ say danh lợi,
Bỏ lợi danh phát phối, hão huyền,
Chớ mê những cái đảo điên,
Mà quên mất cái vững bền ngàn thu,
Sông thế sự hãy ưa chèo ngược,
Chèo ngược dòng lên tuốt căn nguyên.
Căn nguyên là chính THANH THIÊN,
Vô biên vô tận triền miên không cùng.
Bỏ phù phiếm tìm tông, tìm tích,
Dương cung thần ngấm đích Thân Tâm,
Bắn vào Trung điểm Tâm Thần,
Ấy là thoát cỏi hồng trần lăm than,
Như trắng sáng băng ngàn trần thế,
Rẽ Đẩu Ngưu, đượm vẻ thần tiên.
Ấy là tâm pháp thánh hiền,
Ấy là Trung Đạo tương truyền xưa nay.
Máy tạo hóa phơi bày trước mắt,
Lẽ huyền vi đâu bắt tằm hơi,
Mới hay muôn sự tại người,
Một lòng vàng đá, thì Trời cũng thua.

Hãy học hỏi cho ra gốc ngọn,
Hãy cố công làm trọn mệnh Trời,
Tìm kia lạc lõng tả tơi,
Thu về đường để vãi rơi ngoài đường, (Mạnh tử, Cáo tử thượng, câu 2)
Tính Trời ấy khuôn vàng thước ngọc.
Phải chặt chiu bao bọc ngày đêm.
Tồn tâm dưỡng tính cho chuyên,
Tơ hào nhân đức, chớ hoen gương Trời. (Mạnh Tử Tận Tâm thượng I)
Lòng băng tuyết thanh thoi, thẳng đặng,
Sống đơn sơ, kết bạn vô biên,
Rộng dày cùng đất sánh duyên,
Cao minh kết ngãi thanh thiên muôn nghìn. (Trung Dung XXVI)
Mỗi động tác phải nên gương mẫu,
Mỗi hành vi nên dấu nên khuôn, (Trung Dung XXIX)
Lời lời, ngọc nhả châu phun,
Lưu cho hậu thế muôn ngàn dài lâu.
Gẫm đạo lý có sau có trước,
Lẽ Âm Dương có ngược có xuôi.
Xuôi là gió cuốn bụi đời (Thiên Phong Cấu)
Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lăm
Có thử thách mới phân vàng đá,
Có lăm than mới rõ chuyện đời.
Ngược là sấm chớp toi bồi, (Địa Lôi Phục)
Tầng sâu bày giải căn trời nội tâm.
Trông tỏ đức chí nhân chí chính,
Biết mục tiêu sẽ định, sẽ an.
Rồi ra suy xét nguồn cơn,
Con đường Phối Mệnh chu toàn tóc tơ.
Vốn hoàn thiện quang hoa mọi nhẽ,
Ấy tính trời muôn vẻ tinh anh,
Quang minh rồi mới tinh thành, (Trung Dung XXI)
Ấy nhờ giáo hóa tập tành mà nên.
Đã hoàn thiện tất nhiên thông tuệ,
Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.
Việc gì tính trước cũng linh, (Trung Dung XX)

Không toan tính trước âu đành dở dang.
Lời xếp trước hoang mang khôn nhẽ,
Việc tính rồi, hồ dễ rồi ren,
Hành vi đã sẵn chốt then,
Sẽ không vấp vương, sẽ nên tinh thành.
Đạo làm người có rành duyên cố,
Sẽ mệnh mang muôn thừa muôn đời..
Hoàn toàn là đạo của Trời, (Trung Dung XX)
Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay.
Người hoàn thiện cất tay là trúng,
Chẳng cần suy, cũng đúng chẳng sai,
Thung dung Trung Đạo tháng ngày,
Ấy là vị thánh từ ngay lọt lòng.
Còn những kẻ cố công nên thánh,
Gặp điều lành phải mạnh tay co,
Ra công học hỏi thăm dò,
Học cho uyên bác, hỏi cho tận tường.
Đắc đo suy nghĩ kỹ càng,
Biện minh thấu triệt, mới mang thi hành.
Đã định học chưa thành chưa bỏ,
Đã hỏi han, chưa tỏ chưa thôi.
Đã suy, suy hết khúc nôi,
Chưa ra manh mối, chưa rời xét suy.
Biện luận mãi tới khi vỡ lẽ,
Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua,
Đã làm làm tới tinh hoa,
Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.
Người một chuyển thân toàn thắng lợi,
Ta tốn công dở dối trăm khoanh,
Người làm mười bận đã thành,
Ta làm nghìn thứ ta ganh với người.
Đường lối ấy nếu ai theo được,
Dẫu u mê, sau trước sẽ thông.
Dẫu rằng mềm yếu như không,
Rời ra cũng sẽ ra lòng sắt son. (Trung Dung XX)

Đạo quân tử như in lỗ thứ,
 Muốn đi xa phải tự chỗ gần.
 Đạo người như cuộc đăng san,
 Muốn lên tới đỉnh, đầu đàng là chân. (Trung Dung XV)
 Việc trời thực muôn phần huyền ảo,
 Thực sâu xa, ẩn náo khôn cùng,
 Cho hay đức nhẹ như lông,
 Nhưng lông chưa thoát được vòng trọng khinh, (Trung Dung XXXIII)
 Đức Trời thực uy linh siêu việt,
 Không tiếng tăm trác tuyệt vô cùng.
 Cho người cái đạo Trung Dung,
 THIÊN NHÂN NHẤT QUÁN, thần thông diệu huyền.
 Khủng cụ rồi, phối thiên phối mệnh. [44] (Trung Dung I, XXV, XXXI)
 Ấy đầu đuôi, động tĩnh phù trầm.
 Nguyên lai, bản mạt, thiện thâm,
 Hiển vi tự tán, xa gần, ngược xuôi. [45]
 Cái tạm bợ bao ngoài vĩnh cửu,
 Áo thô sơ che dụ giấu hoa. (Trung Dung XXXIII)
 Rồi ra vàng ngọc chói lòa,
 Trời người định vị, trung hoà vô biên.

Trên đây tôi đã khai triển Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể. Nó chỉ gồm có mấy chữ: **Nhất thể tán Vạn Thù, Vạn Thù qui nhất Thể**, hay nói gọn hơn là **Nhất Thể Vạn Thù**. Bản thể thì có Một, Hiện Tượng hay Ứng Dụng bên ngoài thì muôn vàn, Tất cả những Hiện Tượng, những Ứng Dụng ấy lúc chung cuộc lại trở về Nhất. Thế là Nguyên Thủy phản chung, thế là Qui Nguyên Phản Bản.

Con đường Sinh Hoá của Trời Đất là con đường Phát Tán, con đường chúng ta Qui Nguyên Phản Bản là con đường Hội Tụ, Hiệp Hoà.

Quan niệm Nhất thể vạn thù đã đưa đến những hệ quả sau đây:

*1. Các bậc danh nho như Mạnh Tử, như Vương Dương Minh đều tin vào thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể, tin rằng mình có thể sống kết hợp với Đạo, với Trời.

Trình Y Xuyên (1033- 1107) nói: «**Dịch giả, Thiên Nhân Hợp Nhất nhi dĩ hĩ.**» (Dịch chỉ là Người và Trời hợp nhất mà thôi).

Trương kỳ Quân, tác giả bộ Trung Quốc ngũ thiên niên sử đã viết: «**Dịch chi vi thư quảng đại tất bị, vô sở bất bao, nhi ngữ kỳ yếu qui, tắc vi minh Thiên Nhân hợp nhất chi đạo.**» (Sách Dịch mệnh mông bao quát, nhưng nói cho ngay, chỉ dạy nhẽ Thiên Nhân hợp nhất mà thôi).

Ngày nay người ta đọc sách Nho, xưng mình là Nho Học, nhưng ít người hiểu được rằng **Tính con**

người chính là Thái Cực, thật là vẹn hảo. Con người không biết chuyện đó, chính vì xã hội đã làm cho họ sai lầm mà thôi.

*2. Hai nữa, người ta không biết rằng con người có 2 tính: một là Tính Trời hay Thiên địa chi Tính, hai là tính người, hay Khí Chất chi tính. Tính người chính là thất tình, lục dục cần phải gột bỏ. Tính Trời thì quang minh chính đại, nó là ngọn đuốc Lương Tâm, luôn luôn ở trong con người, để soi sáng cho con người. Chính vì thế mà Nho Gia sau trước chỉ dạy: Khử nhân dục (Nhân tâm), tồn Thiên Lý (Thiên Tính hay Thái Cực) mà thôi.

*3. Ngày nay người ta hay chê mình là kẻ xấu, kẻ hèn mọn, tội lỗi. Những người có tư tưởng sai lầm như vậy, đầu tu suốt đời cũng không sao tiến bộ được. Thực là uổng phí cuộc đời.

Người ta cũng không biết rằng: Tuy vạn tượng thời biến hóa khôn lường, nhưng Bản thể hay Bản Tính chúng ta thời trường tồn bất biến. Nên nếu chúng ta muốn trường sinh bất tử phải rũ bỏ những gì biến thiên, tức là Vọng tâm hay Nhân tâm, mà chắt chiu cái gì vững bền muôn thừa, đó là Thái Cực hay Thiên Tâm, Thiên tính của chúng ta.

Dịch kinh nơi quẻ Hằng đã viết: Thiên địa chi Đạo hằng cửu nhi dĩ dã. Quan kỳ sở Hằng, Thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ. Đạo Trời thời thường hằng vĩnh cửu. Hiểu nhẽ đó, sẽ biết tình ý của muôn loài. Tiếc thay nay có ai hiểu thế nào là Hằng, Biến đâu.

Dịch gọi Hằng cửu đó là Thái Cực. Nó đã nằm sẵn trong lòng sâu con người. Dịch gọi đó là Điểm Trung Hoàng. Tìm ra được nó, nhiên hậu mọi sự sẽ trở nên tốt đẹp.

Văn Ngôn hào Lục Ngũ quẻ Khôn viết:

Hiền Nhân thông lý Trung Hoàng,
 Tìm nơi chính vị mà an thân mình.
 Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,
 Làm cho cơ thể xương vinh, mỹ miều.
 Phát ra sự nghiệp cao siêu.
 Thế là đẹp để đến điều còn chi.

Trung Dung là sách dạy ta tìm về Tâm Điểm bất biến đó của vũ trụ. Trung Dung gọi đó là Đạo Trung Dung, hay đạo Trời.

Trung ấy là không nghiêng, không ngửa,
 Trung ấy là muôn thừa y nguyên.
 Trung là Đạo chính mọi miền.
 Dung kia là lý hiển nhiên mọi đời.
 Tâm pháp này truyền nơi cửa Khổng,
 Ông Tử Tư sợ chóng sai ngoa,
 Bút thần tay thảo thiên hoa,
 Truyền cho Mạnh tử thành pho sách này.
 Sách mới thoát trình bày một lẽ,
 Sau dần dần mới tỏ thành muôn.
 Tung ra tản mạn khắp muôn phương trời,

Thu tóm lại, dấu nơi ẩn áo,
 Hay sao hay, kỳ ảo khôn cùng.
 Đó là thực học chính tông,
 Ai say tìm hiểu sẽ thông ý màu,
 Thông ý màu rồi sau ứng dụng,
 Dùng cả đời cũng chẳng hề vơi.
 (Trung Dung, Chu Hi chương cú).

*4. Trung Dung chia con người thành ba phần:

Tính (Thiên tính, Thiên Tâm, Lòng Trời = Thiên đạo).

Tâm (Nhân tâm, nhân dục, khí chất chi tính, lòng người = Nhân Đạo).

Xác (vật chất = Vật đạo).

Và như vậy con người cũng có 3 thứ Đạo:

a.- Thiên Đạo, nghĩa là con người phải trở thành thần, thánh. (Trung Dung XX, XXI, XXV, Dịch, Hệ Từ hạ,X)

b.- Nhân đạo, nghĩa là con người phải ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người.

c.- Vật đạo, nghĩa là con người phải được no ấm, hẳn hoi khoẻ mạnh. (Trung Dung, chương 20, chương 21, chương 25, chương 31; Dịch kinh, Hệ Từ hạ, chương X)

Vua Nghiêu, vua Thuấn xưa cũng chủ trương như vậy.

Kinh Thư, thiên Đại Vũ Mô, 15 viết:

Nhân tâm duy nguy	人 心 惟 危
Đạo tâm duy vi	道 心 惟 微
Duy tinh duy nhất	惟 精 惟 一
Doãn chấp quyết trung	允 執 厥 中

Dịch:

Lòng của Trời siêu vi, huyền ảo,
 Lòng con người điên đảo, ngã nghiêng.
 Tinh ròng chuyên nhất ngày đêm,
 Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.

Lòng Trời thì bất biến, lòng con người thì biến thiên. Thế là thấy được lẽ Biến, Hằng trong ta vậy.

Bất kỳ là theo đạo giáo nào, không hiểu những điều căn bản trên là không biết gì về Đạo (Thái Cực), về duyên do và cùng đích của Đạo, của con người.

*5. Đạo Khổng đã tìm ra Thiên Đạo và đã mô tả cái Đạo Phối Thiên, cái Đạo Huyền Đồng (Mysticism) trong thiên Văn Vương, Đại Nhã, Kinh Thi.

*6. Đạo Khổng, theo Kinh Dịch cũng mô tả sự **Tiến Hoá con người, và lịch sử**, qua 2 chiều Tinh Thần và Vật Chất. Con người từ Trung điểm vòng Dịch đi ra vòng biến dịch ngoại cảnh, thoát đầu sẽ đi vào con đường vật chất, qua sáu giai đoạn là Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn. Khôn là giai đoạn Vật Chất cực

thịnh. Sau đó con người đi vào Tinh Thần, tìm hiểu và xây dựng Tinh Thần qua sáu giai đoạn: Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quả, Kiền.

Phục là giai đoạn hồi phục, bỏ Chiều Âm sang chiều Dương, là lúc con người thấy mình có **Thiên Địa chi tâm** (Xem Dịch Kinh, quẻ Phục.) và là lúc con người khoảng 35, 40 tuổi.

Kiền là giai đoạn Tinh Thần cực thịnh.

Sau đó con người bước vào Giai Đoạn Thái Cực bất biến, ở Trung Cung, Trung Điểm vòng Dịch.

Chính vì thế mà Thiệu Khang Tiết mới nói: Vạn vật tòng Trung nhi khởi, tòng Trung nhi chung.

Có đi hết các giai đoạn biến dịch này, ta mới hiểu được lẽ Trời, ý Trời, hiểu được bản tính chí thiện của con người, và mới hiểu được Mệnh Trời, là tiến hóa đến hoàn thiện để trở về kết hợp với Trời, Cao Minh Phối Thiên. Vì thế mà Dịch mới nói: **Cùng lý, tận Tính dĩ chí ư Mệnh**. (Dịch, Thuyết Quái, chương I) hoặc: **Kiền Nguyên dụng cửu: Thiên hạ trị dã. Hay Kiền Nguyên dụng cửu, nãi kiến Thiên tắc**. (Quẻ Kiền, Hào Dụng Cửu):

Kiền Nguyên biến hóa xong rồi,
Bấy giờ thiên hạ nơi nơi trị bình.

Hay:

Kiền nguyên biến hóa xong rồi,
Bấy giờ mới thấy luật Trời hiện ra.

*7. Con người thực sự có hai chiều hướng tiến hóa, suy tư: Hướng ngoại (Extroversion, Extrovert), và Hướng nội (Introversion, introvert). Nho gia gọi Introversion là Phản cung, hay Phản thân. Nhưng người xưa ít ai biết thế nào là Phản thân. Có lẽ Chu Hi đã tìm hiểu thuyết Cùng Lý ở ngoài tâm, còn Lục Tượng Sơn và Vương Dương Minh đã đi vào Tâm mà tìm hiểu thuyết Cùng Lý.

*8. Nho gia đã đề cao Lương Tâm, và coi Lương Tâm chính là Trời. Tôi cũng nhận xét rằng Lương Tâm chính là Phật Tính là Bản Lai Diện Mục, là Đạo, là Trời trong ta. Cho nên ăn ở theo đúng Lương Tâm chính là Chân Đạo. Thật là giản dị vậy.

*9. Thực ra, con người là một phân bộ trong thống thể vũ trụ, nên có liên quan mật thiết đến vũ trụ.

Trình Minh Đạo (1032- 1065) viết: «Vạn vật dữ ngã nhất thể dã.» (Ta và vạn vật đều chung một bản thể.)

Lục Tượng Sơn (1140- 1192) viết: «Việc ở trong vũ trụ chính là việc trong bốn phận mình; việc ở trong bốn phận mình, tức là việc ở trong vũ trụ.» (Phan Bội Châu, Khổng học Đăng II, tr. 715)

Linh Mục Vương Xương Chỉ, trong quyển Triết Học Luân Lý của Vương Dương Minh đã viết: «Tin rằng vũ trụ này là một thống thể, trong đó sự thác loạn của một bộ phận có ảnh hưởng đến toàn bộ vũ trụ, tin rằng con người là tâm điểm vũ trụ, tâm con người là tâm vũ trụ, đó là tư tưởng hàm tàng trong kinh điển, và đã được các triết gia thời Tống chủ trương. Cũng như các triết gia Trung Hoa khác, Vương Dương Minh (1472- 1528) cũng nhắc lại: Con người là tâm điểm vũ trụ. Vũ trụ và ta là một thống thể.» [\[46\]](#)

Linh Mục Matteo Ricci (1552- 1610) sang giảng đạo bên Trung Hoa vào cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17 đã nhận định như sau: «Trào lưu tư tưởng mà nhiều người đã theo hiện nay, theo tôi có lẽ đã vay mượn ở một giáo phái tà thần từ 500 năm nay (Tống Nho). Quan niệm ấy là: Thiên địa vạn vật nhất thể. Hóa công cùng với trời đất, người vật, cỏ cây, tứ tượng đều hợp thành một phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy, họ rút ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể trở nên giống Trời.» [\[47\]](#)

Một học thuyết cao siêu như vậy, mà một nhà truyền giáo trứ danh như Ricci lại cho là tà giáo, tà thần, thì thật là đáng thương cho Ricci vậy.

*10. Mọi người đều giống nhau về phương diện bản thể.

Mạnh tử nói: «Phàm những vật đồng loại thì bản tính giống nhau. Tại sao riêng về nhân loại, người ta lại nghĩ rằng bản tính chẳng tương tự? Những bậc thánh nhân với chúng ta đều cùng một loại...» (Mạnh tử, Cáo tử chương cú thượng, tiết 7).

*11. Con người có thể tiến tới Đại thể, có thể hoà đồng với Đại Thể vũ trụ. Đó chính là chủ trương: Cao minh phối Thiên, Bác hậu phối địa của Trung Dung, (Trung Dung, XXVI)

Trình tử cũng cho rằng: «Thánh nhân phải có một tâm kích mệnh mông như vũ trụ.» (Thánh nhân hữu Thiên Địa chi lượng dã.- Uyên Giám loại hàm, nơi chữ Thánh, tr. 4670).

*12. Thế giới là một nhà, người trong bốn biển đều là anh em.

Trương Hoàng Cừ (1020- 1077) làm bài Tây Minh tóm tắt đại khái nhân sinh quan mình như sau: «Lấy thế giới làm một nhà, Trời đất làm cha mẹ, nhân loại làm anh em, vạn vật làm đồng loại của mình. Vì xem thế giới là một nhà, trời đất là cha mẹ, nên người ta phải giữ cho tròn bổn phận làm người, vì xem nhân loại đều là anh em, vạn vật đều là đồng loại, nên người ta phải rộng lòng nhân ái.»

Lễ Ký nơi thiên Lễ Vận đã đề ra một thế giới đại đồng.

Kinh Dịch, nơi quẻ Đồng Nhân, cũng đã đưa ra một viễn tượng đại đồng mai hậu.

Thế mới hay đức Khổng là vị thánh nhân. Ngài chẳng những dạy con người phải tổ chức một đời sống quốc gia xã hội cho hoàn hảo, để mọi người sống trong an bình, hạnh phúc, tương thân, tương ái, mà còn truyền dạy đạo Trời, hay đạo Trung Dung, một thứ Đạo huyền đồng, mà Kinh Thi đã trình bày trong Đại Nhã, mà Luận Ngữ đã khen là «sáng mà nghe biết, chiều chết cũng cam» (Luận Ngữ IV, 8).

Tôn chỉ đạo ấy là:

a- Trong Tâm ta còn có Thần Trời, nghĩa là trong Nhân Tâm còn có Đạo tâm.

b- Con người có bổn phận dùng đời mình để siêu xuất phàm tâm, phối hợp với Thiên Tâm.

Mục đích của công phu tu luyện của cuộc đời đạo hạnh chân chính là sống phối kết với Thượng Đế.

Tất cả tôn chỉ ấy đã được cô đọng trong mấy câu khẩu quyết mà xưa vua Nghiêu đã truyền cho vua Thuấn:

Nhân tâm duy nguy	人 心 惟 危
Đạo tâm duy vi	道 心 惟 微
Duy tinh duy nhất	惟 精 惟 一
Doãn chấp quyết trung	允 執 厥 中

(Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15)

Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,

Lòng con người điên đảo, ngã nghiêng.

Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.

*13. Trong đạo Nho có mấy chữ hết sức khó hiểu: Đó là chữ CÁCH VẬT, và chữ THÀNH.

Danh Nho xưa nay như Chu Hi, Vương Dương Minh dịch mỗi người một cách. Rất là khó hiểu.

Tôi dịch: CÁCH VẬT là KHUÔN TRỜI. Trong tiếng Việt có chữ Cốt Cách trong Tự Tình Khúc của Cao Bá Nhạ có câu:

Bình đầu phá, còn lẽ cốt cách.

Câu sách Đại Học: «Trí tri tại cách vật. Vật cách nhi hậu tri chí» tôi dịch như sau:

Dày công học vấn sẽ hay Khuôn Trời

Hay Khuôn Trời ắt thấu triệt.

Chữ THÀNH xưa nay dịch là Thành Thật.

Tôi thấy không đúng, và tôi dịch THÀNH là Hoàn Thiện.

Cho nên câu Trung Dung: Thành giả, Thiên chi đạo dã, Thành chi giả nhân chi đạo dã (Trung Dung XX), tôi dịch là:

Hoàn toàn là Đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện đạo người xưa nay.

Dịch đúng câu văn trở nên linh động và trong sáng hơn nhiều.

Như vậy tôi đã dùng Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, Nhất Tán Vạn, Vạn qui Nhất để trình bày Đạo Khổng. Lối trình bày của tôi còn vụng về, nhưng mong quý vị thấy được Lễ Nhất Quán của trời đất khi tôi trình bày Phật, Lão, Khổng, và cho chúng ta thấy rằng rõ ràng là chúng ta có một con đường về với Chân Tâm, với Đạo, với Trời. Đó là con đường Hướng Nội, con đường đi vào Tâm Linh, từ Vọng Tâm lên tới Chân Tâm (Phật), từ Tâm lên tới Đạo (Lão), từ Nhân Tâm lên tới Thiên Tâm (Khổng). Con người sau trước cũng tiến tới Chân Thiện Mỹ, vì đó là cùng đích nhân loại. Đó là định luật Tiến Hoá vậy.

SỰ BẢN ĐỊA HOÁ NHO HỌC TẠI VIỆT NAM

(Trích sách Con Đường Tam Giáo Việt Nam của Lê Anh Dũng, Nxb Tp HCM, 1999, từ tr. 2 đến tr. 7)



Nho giáo du nhập vào Việt Nam trong thời Bắc Thuộc qua ba thời kỳ như sau:

- + 111 tcn- 39: Các đời Tây Hán và Đông Hán (Bắc Thuộc lần thứ I);
- + 43- 544 các đời Đông Hán, Tam Quốc, Tấn, Nam Bắc Triều. (Bắc thuộc lần thứ 2)
- + 608- 939 các đời Tùy, Đường, Ngũ Quí. (Bắc Thuộc lần thứ 3, 4, 5)

Mười thế kỷ đầu Công Nguyên, Nho học Việt Nam chưa thịnh, chưa hình thành tầng lớp nho sĩ nắm vai trò quan trọng trong xã hội. Thành phần trí thức ưu tú bấy giờ là những nhà tu, đặc biệt là những cao tăng. Thông qua việc học chữ Nho để đọc kinh Phật, các sư tiếp thu luôn Nho học. Thế nên khi nước vừa được độc lập, kể từ Ngô (939- 965), Đinh (968- 979), Lê (980- 1009), trí thức ra giúp triều đình là các đạo

sĩ và thiền sư.

Nho học V.N. phát triển từ thế kỷ XI, sang đời Nguyễn thì suy. Nho học mở đường xuất thân cho kẻ sĩ thông qua khoa cử, nhờ đó thúc đẩy văn học phát triển, văn hóa được nâng cao. Không ít tiên Nho V.N. đã đi sâu vào Triết Nho. Nhưng chiến tranh liên miên, sách vở bị cướp đốt quá nhiều, tư tưởng học thuật của Tiên Nho hầu như không còn lưu lại gì cho đời sau nghiên cứu. Nên nói đến Nho Giáo V.N., cái nổi bật hình như không phải là tư tưởng triết học mà là văn chương khoa cử, và vai trò chính trị của sĩ phu trong lịch sử. (Con Đường Tam Giáo Việt Nam, Lê anh Dũng, thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 2). Nói thế có nghĩa là Nho gia Việt Nam không có ai là triết gia hay tư tưởng gia lỗi lạc nào, mà chỉ có văn gia hay chính trị gia mà thôi.

I. NHO HỌC VIỆT NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

Đời Lý (1010- 1225)

Nho học mới hưng phát. Vua Lý Thánh Tông cho lập Văn miếu, làm tượng thờ Chu Công, Khổng Tử và bảy mươi hai tiên hiền (1070)

Vua Lý Nhân Tông mở khoa thi đầu tiên tên là Tam Trường (1075), mở Quốc Tử Giám (1076), lập Hàn Lâm Viện (1086), tuyển Mạc Thiên Tích làm hàn lâm học sĩ. Danh Nho triều Lý có Lý đạo Thành, Trương Bá Ngọc, Tô Hiến Thành.

Đời Trần (1225- 1400)

Vua Trần Thái Tông mở khoa thi Thái học sinh (1232); khoa tam giáo (1247) và mở khoa tam khôi (1247) tuyển trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa; mở quốc học viện (1253) giảng tứ thư, ngũ kinh. Vua Trần Duệ Tông đổi khoa thi Thái học sinh thành tiến sĩ (1374).

Đời Trần Nghệ Tông, Hồ quý Ly soạn sách Minh Đạo (1302), dịch thiên Vô dật ở kinh Thư(1394) dạy thái tử (sau lên ngôi là Thuận Tông), dịch kinh Thi dạy nội cung (1396).

Đời Thuận Tông, Hồ Quý Ly làm Thái Sư, nắm quyền phụ chính, cải cách thi cử, ấn định lương bổng của các quan dạy học ở địa phương.

Văn học đời Trần rất thịnh, nhờ khoa cử thúc đẩy. Danh Nho có Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn (viết Giới Hiền toàn tập), Trương Hán Siêu, Lê Lập, Phạm Sư Mạnh (viết Hiệp Thạch tập), Chu An (viết Tứ Thư thuyết ước, Tiều Ẩn thi), Hàn Thuyên...

Đời Hồ (1400- 1407), Hậu Trần (1407- 1413), Minh thuộc (1414- 1427)

Hồ Quý Ly thay nhà Trần, lập nên nhà Hồ. Nước loạn, quân Minh xâm lăng, cướp sách vở đưa về Kim Lăng; Những gì không đem được thì đốt, thiệt hại không kể xiết. Nhà Minh đưa Tống Nho vào Việt Nam.

Đời Hậu Lê (1428-1788)

Nho học rất được chú trọng, được tôn là quốc học. Khoa cử thúc đẩy, hình thành tầng lớp nho sĩ trí thức đông đảo. Kinh đô có Quốc tử giám, Thái học viện. Vua Lê Thánh tông chia nước làm mười ba đạo, hầu hết các đạo ở đồng bằng đều lập trường công, ấn định quy chế thi cử. Năm 1463 có chừng 1400 người thi Hội ở Thăng Long; năm 1475: khoảng 3000 người. Từ triều Lê, người thi đậu rất vẻ vang: có lễ xướng danh, lễ vinh quy, lễ khắc tên tiến sĩ vào bia đá ở Văn miếu.

Danh Nho đời Lê có Nguyễn Trãi, Lê Văn Linh, Bùi Cầm Hổ, Nguyễn Thiên Tích, Nguyễn Trực, Nguyễn Như Đỗ, Lương Thế Vinh, Đỗ Nhuận, Thận Nhân Trung, Lương Đắc Bằng, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Dữ, Giáp Hải, Nguyễn Mậu Nghi, Phạm Công Trứ, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Công Hãng, Phạm Đình Trọng, Lê Quý Đôn, Lý Tử Tấn, Nguyễn Mộng Tuân, Phan

Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên...

Đời Tây Sơn (1788- 1802)

Sau khi đánh bại quân Thanh giữa năm Kỷ Dậu (1879), vua Quang Trung lập Sùng chính viện, cử La Sơn Phu tử Nguyễn Thiệp làm viện trưởng, với trọng trách chấn chỉnh lại Nho học Việt Nam. La Sơn Phu tử dịch xong các sách Tiểu học, Tứ thư và Ngũ kinh ra chữ Nôm, chưa kịp cải cách thì vua Quang Trung mất.

Đời Nguyễn (1802-1945)

Nền học thuật gắn liền khoa cử ngày càng suy. Thực dân Pháp xâm chiếm đất nước. Cái học theo phương Tây khởi sự chen vào. Nền Nho học cử nghiệp cổ truyền dần dần mai một, chấm dứt năm 1915 ở miền Bắc, rồi 1918 ở miền Trung.

II. CÁC TÁC PHẨM TRIẾT HỌC CỦA NHO GIA VIỆT NAM

Nhà nho có danh đời nào cũng xuất hiện, tên tuổi còn ghi lại nhiều. Ngoài công lao kinh bang tế thế, tiên nho Việt Nam còn giúp vào việc giáo hóa, trứ tác thơ văn nhiều loại. Riêng về mặt triết học, cũng rất phong phú, không những phô diễn đạo lý cổ truyền Khổng Mạnh, Trình Chu mà còn bày tỏ ít nhiều quan điểm riêng của người Việt, thể hiện hoặc tinh thần độc lập hoặc ý thức đối kháng với tư tưởng Trung Hoa. Tiếc thay, sách vở đã bị thất tán, tiêu hủy sau bao thế kỷ binh lửa.

Văn tịch chí trong Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú và Tìm hiểu kho sách Hán- Nôm của Trần Văn Giáp là hai trong những tài liệu quý hiếm, kể ra được một phần nào sách vở còn giữ lại hay còn ghi nhận được, nhờ đó cũng giúp đời sau có cái nhìn khái lược về tư tưởng triết học của nhà nho Việt Nam đời trước.

Căn cứ hai tài liệu ấy, qua một số tác phẩm mang tính triết học, giáo dục của người Việt, có thể dẫn lại một ít nhan đề tiêu biểu như sau:

1. Tứ thư thuyết ước, mười quyển, Chu An (?1370) đời Trần soạn, nay không còn.

2. Chu dịch quốc âm giải nghĩa, hai quyển, cũng gọi Chu dịch quốc âm ca [quyết], Đặng Thái Phương [hay Bàng] (1674?) đời Hậu Lê soạn xong trước năm Quý Hợi (1743). Ông dùng thơ lục bát giải nghĩa từng hào (diễn ca); như quẻ Càn, hào sơ cửu Tiềm long vật dụng (rồng ẩn nấu chín nên dùng) diễn ca là:

Sơ cửu hào nghĩa tiềm long,

Bé còn ở dưới mà dùng làm chi.

3. Tứ thư ngũ kinh toàn yếu, mười lăm quyển, Nguyễn Huy Oánh (1713-1798) đời Hậu Lê soạn.

4. Tính lý toàn yếu, hai quyển, Nguyễn Huy Oánh soạn. Quyển này và quyển trên nhằm tóm tắt các sách Tứ thư, Ngũ kinh, Tính lý, tiện lợi cho nho sinh chuẩn bị thi cử.

5. Thánh mô hiền phạm lục, mười hai quyển, Lê Quý Đôn (1726-1784) đời Hậu Lê soạn.

Ông trích lục nguyên văn các lời nói của thánh hiền, xếp loại, chia thành mười hai đề mục, ghi rõ xuất xứ từng câu đã trích trong Dịch, Thi, Thư, Xuân thu Tả truyện, Lễ ký, Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Gia ngữ, Hiếu kinh, Mạnh tử, Chu tử, Quốc sách, Quốc ngữ, Sử truyện, Tiên nho cách ngôn...

6. Thư kinh diễn nghĩa, ba quyển, Lê Quý Đôn soạn.

7. Dịch kinh phụ thuyết, năm quyển, Lê Quý Đôn soạn.

8. Âm chất văn chú, hai quyển, Lê Quý Đôn soạn.

9. Vân đài loại ngữ, bốn quyển, Lê Quý Đôn soạn.

10. Chu huấn toàn yếu, năm quyển, do Phạm Nguyễn Du (1739- 1787) đời Hậu Lê soạn.

Mô phỏng theo sách Cận tư lục của Chu Hy và Lữ Tổ Khiêm đời Tống, lấy toàn văn của Chu Hy chia thành loại, xếp thành tiết mục, hơn sáu trăm điều.

11. Xuân thu quán kiến, mười hai quyển do Ngô Thời Nhiệm (1746-1803) đời Hậu Lê soạn.

12. Nhân thế tu tri, tám quyển, do Cao Xuân Dục (1842-1923) đời Nguyễn soạn.

Nho giáo Việt Nam không phải chỉ là trích cú tầm chương, khoa cử, phú thi xướng họa. Có một luồng tư tưởng của người Việt, nó hòa hợp đạo Nho với Phật, Lão và văn hóa bản địa Việt Nam. Hiện nay, mọi việc nghiên cứu lại Nho giáo Việt Nam đều còn phải khởi sự, mà khó khăn lớn nhất vẫn chính là sự thất lạc tác phẩm của tiên nho qua các triều đại.

Đạo Cao đài xuất hiện ở miền Nam Việt Nam vào đầu thế kỷ XX với lễ nhạc, y phục, và tiêu ngữ Nho tông chuyển thế (lấy tông chỉ đạo Nho để sửa đời loạn thành trị); phải chăng, trong một chừng mức nào đó có thể coi Cao đài như một canh tân Nho giáo trong thời đại mới?

CHÚ THÍCH

- [1] Thủy chi tự trung thuận hành nhi sinh, chung nhi phục nghịch tàng, qui ư Trung Hoàng Thái Cực nhưng kiến phụ mẫu vị sinh chi tiền chi diện mục. 始之自中順行而生,終而復逆藏歸於中黃太極,仍見父母未生之前之面目。 – Văn đạo Tử, Giảng đạo tinh hoa lục, tr. 101.
- [2] Thái cực thủy vu Nhất nhi chung vu Nhất dã. Vạn vật thủy vu Nhất nhi chung vu Nhất, tức Trang tử xuất cơ, nhập cơ chi nghĩa. 太極始于一而終于一也。萬物始于一而終于一,即莊子出機入機之義。 – Nguyễn Ấn Trường, Tạo hoá thông, tr. 52.
- [3] Nghịch nhi thành tiên, thuận khứ sinh nhân, sinh vật. 逆而成仙,順去生人,生物。 Đạo Nguyên tinh vi ca, q.hạ, tr. 9b. – Xem Trung Dung Tân khảo của tác giả, tr. 251.
- [4] Đơn tự nhật đầu nguyệt cước, trung gian nhất hoạch hệ Nhật Nguyệt hợp nhất chi vị dã. Kỳ nội nhất điểm vi tinh khí hỗn hợp dĩ tượng nhất lập kim đơn hĩ. 丹字日頭月腳中間一劃係日月合一之謂也。其內一點為精氣混合以象一粒金丹矣。 – Tu Chân bát tử phương, tr. 26.
- [5] Thái Hư thị viết: Đơn đạo, thánh công bất ngoại hoàn phản. 太虛氏曰:丹道聖功不外還返。 – Thượng Phẩm đơn pháp tiết yếu, tr. 7.
- [6] Thương Ân chi lữ, kỳ hội như lâm, thỉ vu Mục Dã, duy dư hầu hâm, Thượng đế lâm nhữ, vô nhị nhĩ tâm. (J. Legge, The She King, tr. 435) – Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh, thất chương.
- [7] Mục dã dương dương, Đàn xa hoàng hoàng, Tứ nguyên bành bành, Duy sư Thượng phụ, Thời duy ứng dương, Lượng bỉ Võ Vương, Tứ phạt Đại Thương, Hội chiêu thanh minh. – Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh, bát chương. (J. Legge, the She king, p. 436)
- [8] Minh minh tại hạ, hách hách tại thượng. – Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Đại minh nhất chương. (J. Legge, the She King, p. 432)
- [9] Bất hiển diệc lâm, vô dịch diệc bảo. – Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Tư Trai, tam chương. (J. Legge, the She King, p. 447)
- [10] Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương, Vạn bang tác phụ. – Kinh Thi, Đại

Nhã,Văn Vương, Văn vương, thất chương, (J. Legge, The She King, p. 431)

- [11] Duy thử Văn Vương, Tiểu tâm dục dục, Chiêu sự Thượng Đế, Duật hoài đa phúc, quyết đức bất hồi. – Kinh Thi, Đại Nhã,Văn Vương, Đại Minh, tam chương, (J. Legge, p. 433)
- [12] Vô niệm nhĩ tổ, Duật tu quyết đức, Vĩnh ngôn phối mệnh, Tự cầu đa phúc, Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng Đế, Tuấn mệnh bất dị. (J. Legge, p. 431) – Kinh Thi, Đại Nhã, Văn Vương, Văn vương, lục chương.
- [13] Mệnh chi bất dị, Vô át nhĩ cung, Tuyên chiêu nghĩa văn... -- Kinh Thi, Đại Nhã,Văn Vương, Văn vương, thất chương.(J. Legge, the She King, p. 431)
- [14] Thiên chi dữ dân, Như huân như trì, Như chương như Khuê, Như thủ như huê, Huê vô viết ích, Dữ dân không dịch. – Kinh Thi, Đại Nhã,Sinh Dân, thập chương, Bản, lục chương. (Legge tr. 502)
- [15] Lễ Ký, Lễ Vận, chương VII, tiết IV, mục 5, 6, 7. – Nguyễn văn Thọ, Chân Dung Khổng tử, chương XI. – Couvreur, Liki I, Introduction, p. IX. – Nho Giáo, Trần trọng Kim I, tr. 147 và tiếp theo. – Lễ Ký, Lễ Vận, 7. – Couvreur Liki I, tr. 527, 528 chú thích. – Lễ Ký, Lễ Vận tr. 4.
- [16] Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri thiên. Trung Dung chương XX.
- Tôi đã dịch thoát câu này như sau:
- Biết người, trước phải biết Trời,
- Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao?
- [17] Hai chữ Cách vật của sách Đại học đã là một đề tài tranh luận của Nho Gia từ trước đến nay.
- Ta cũng đã biết có 2 quan niệm khác nhau về vấn đề này: Một là của Chu Hi, hai là của Vương Dương Minh. Riêng tôi, tôi giải Cách Vật là tìm ra Cốt Cách muôn loài, muôn vật, tìm cho ra Khuôn Trời trong muôn loài, muôn vật. Trong bài Tự Tình Khúc của Cao Bá Nhạ có câu: «Bình dẫu phá còn lề cốt cách, Gương dù tan vẫn sạch trần ai.» Chữ Hán cũng có câu: «Bình phong tuy phá, cốt cách do tồn, Quân tử tuy bần, lễ nghĩa thường tại..»
- [18] Tôi dịch Cách là Khuôn Trời (ở nơi muôn vật) vì hiểu Cách là Cốt cách.
- Trung dung cũng cho rằng trời dựng nên muôn loài chỉ có một khuôn. «Thiên địa chi đạo, nhất ngôn khả dĩ tận chi, kỳ vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc.» (Trung Dung, chương 26.)
- [19] Khắc kỷ phục lễ... Phi lễ vật thi, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động. 克己復禮 [...] 非禮勿視, 非禮勿聽, 非禮勿言, 非禮勿動. – Luận Ngữ XII, 1)
- [20] Khắc kỷ phục lễ... Phi lễ vật thi, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động. 克己復禮 [...] 非禮勿視, 非禮勿聽, 非禮勿言, 非禮勿動.– Luận Ngữ XII, 1)
- [21] Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành; lạc mạc đại yên. 萬物皆備於我矣. 反身而誠樂莫大焉– Mạnh Tử, Tận Tâm Chương cú thượng, 4.
- [22] Mạnh tử viết: Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ Tính tắc tri Thiên hĩ. – Mạnh tử, Tận tâm chương cú thượng, 1.
- [23] Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự Thiên dã. – Mạnh Tử, Tận Tâm chương cú thượng, 1.

[24] Nhân tính chi thiện dã, do thủy chi tựu hạ dã. – Mạnh tử Cáo tử thượng, 2.

[25] Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; Tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; Từ nhượng chi tâm, Lễ chi đoan dã; Thị phi chi tâm, trí chi đoan dã...Nhân chi hữu thị tứ đoan, do kỳ tứ thể dã. (Mạnh Tử, Công tôn Sửu, chương cú thượng, 6)

...Chu Hi bình giải về chữ Tính của Mạnh tử như sau: «...Tính là Bản thể của Thái Cực, khó dùng lời lẽ mà mô tả được. Tuy Tính hàm súc vạn lý nhưng đại khái có 4 cương lĩnh lớn là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí.»

Dịch theo Tống Nguyên Học Án, q. 48, tr. 19 (Hối Ông học án.)

[26] Phàm hữu tứ đoan ư ngã giả, tri giai khuếch nhi sung chi hĩ, nhược hoả chi thủy nhiên, tuyền nhi thủy đạt. Cầu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải; cầu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu. – Mạnh tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, 6

Chu Hi bình: Nên, theo Mạnh Tử, thì căn cứ vào nhân tính, ta có thể suy ra điều thiện - thiện đây là tính thiện - ý nói đi ngược dòng tình cảm, sẽ hay biết Tính vậy

Dịch theo. Tống Nguyên Học Án, q. 48, tr. 19 (Hối Ông học án)

[27] Thị cố quân tử tôn đức tính, nhi đạo vấn học, trí quảng đại nhi tận tinh vi, cực cao minh nhi đạo Trung Dung. – Trung Dung XXVII.

[28] Cực cao minh nhi đạo Trung Dung. – Trung Dung XXVII.

[29] Cổ viết Phối Thiên. – Trung Dung XXXI.

[30] «Ô moines, il y a un état non-né, non-devenu, non-conditionné, non- composé. S'il n'y avait pas un tel état qui soit non- né, non- devenu, non-conditionné, non-composé, il n'y aurait aucune évacion possible pour ce qui est né, ce qui est devenu, ce qui est conditionné. Puisqu'il y a un tel état, il y a une évacion possible de ce qui est né, de ce qui est devenu, de ce qui est conditionné, et de ce qui est composé.» – Présence du Bouddhisme,p. 268- Udana, p. 129, Colombo, 1929.

[31] Nous devons donc trouver, quelque part, un centre d'où partent pour ainsi dire tous les autres plans de l'existence. Une fois là, nous devons essayer de trouver une solution. Voilà le programme. Où est ce cente? Il est en dedans de nous. Les anciens sages ont cherché de plus en plus profondément jusqu'à ce qu'ils aient trouvé qu'au coeur le plus intime de l'âme humaine est le centre de l'univers tout entier. Tous les plans gravitent vers ce seul point; il est leur terrain commun et c'est seulement en nous placent là que nous pourrions trouver une solution commune...» – Vivekananda, Jnana Yoga, p. 138.

[32] Xem Văn Đạo Tử, Giảng đạo tinh hoa lục, tr. 36b.

[33] La découverte du Centre du Soi, qui coïncide avec Brahman, et qui correspond au centre de l'espace et au centre du temps, ces deux centres qui permettent au sacrificiant d'échapper à l'espace et au temps, est la grande découverte des Brahmanes, celle qui mène à l'orée de l'Upanishad. – Lilian Silburn, L'Instant et Cause, p. 103.

[34] Sở vị Phật tính, tựu thị Thiên Tính. Dã tựu thị Nhu Gia sở vị Thiên Mệnh, sở vị Đạo Liễu. Nan quái Khổng tử viết: Chiêu văn Đạo, tịch tử khả hĩ. 所謂佛性,就是天性.也就是儒家所謂天命,所謂道了.難怪孔子曰:昭聞道,夕死可矣. 形. Lịch đại Cao Tăng cổ sử, q. 7, tr. 30.

[35] Dieu, dit l'Ecriture, est la vie de l'homme. Ipse est vita tua. (Deutéronome,XXX, 20. Texte de la Vulgate cité par St Thomas D'Aquin, Summa Theologica, Ia- IIae,q. 110 a.I, obj. 2) et Saint Augustin a souvent affirmé que Dieu est la vie de l'âme, comme l'âme elle-même est la vie du corps. Il est donc la vie de notre vie. (Saint Augustin, Confessions, VII, 1,2 et X, 6, 10). Cf Émile Gilson, Théologie et Histoire de la Spiritualité, Paris, Librairie philosophique, J. Vrin. 1943, p. 10.

[36] Il y a un Infini en nous.

Florilège de la pensée théosophique moderne, Lotus Bleu, 72 Année, no II, Novembre 1967, p.293.

[37] L'illumination spirituelle révèle l'Élément unique qui est dans l'esprit et dans le cœur de tout être humain. – Florilège de la pensée théosophique moderne, Lotus Bleu, 72 Année, Août- Septembre 1967, p.235.

[38] Notre temps a besoin de reconnaître en tout homme une étincelle divine, et des possibilités infinies. -- (Ibidem, p. 235).

[39] Pour la Religion, Dieu et l' Homme, la Qualité et la Forme étaient séparées, elle enseigne maintenant qu'ils sont un. – Lotus Bleu, 72e Année, Décembre, 1967, p. 326.

[40] Seul l'inconnaissable et incognoscible Karana, La Cause sans Cause de toutes les Causes, devrait avoir son sanctuaire et son autel sur le terrain sacré et solitaire de notre cœur - invisible, insaisissable, indistinct, sauf par la petite voix silencieuse' de notre conscience spirituelle. Ceux qui l'adorent devraient le faire dans le silence de la solitude sanctifiée de leurs âmes. – Lotus Bleu, Janvier 78, p. 17.

[41] « L'Atman, le Soi...montrait toute sa puissance à celui qui était capable de reconnaître la petite voix silencieuse'. Depuis les jours de l'homme primitif...jusqu'à notre âge moderne, il n'y a pas eu un philosophe digne de ce nom qui n'ait pas porté dans le sanctuaire silencieux de son cœur, la grande mystérieuse vérité. Si c'était un Initié, il l'apprenait comme une science sacrée. – Doctrine Secrète, vol. 5, p. 67. Lotus Bleu, 75e Année, No I, p. 18.

[42] Il est une lumière qui brille au delà de toutes les terres, sur terre au- delà de nous tous, au- delà des cieux vraiment les plus hauts. C'est une lumière qui brille dans nos coeurs. Il y a un pont entre le temps et l'éternité et ce pont est l'Esprit dans l'homme. ni le jour ni la nuit ne traversent ce pont; ni la vieillesse, ni la mort, ni le chagrin... Quand on a trouvé ce pont, les yeux de l'avenir peuvent voir, les blessures du blessé guérissent, et le malade guérit de sa maladie. Pour celui qui franchit ce pont, la nuit devient comme le jour, parce que dans le monde de l'Esprit, il y a une lumière qui est éternelle. – Lotus Bleu, 72e Année, 4 Avril. 1967, p. 115.

[43] On trouve Dieu dans sa création... Dans le cœur même de l'homme, on peut trouver la vie divine. En religion, cette découverte est aussi révolutionnaire que la découverte atomique. Elle place dans la main de l'homme un pouvoir spirituel sans limite, comme l'énergie atomique lui a donné un prodigieux pouvoir physique. (Lotus Bleu, 72e Année, Déc. 1967, p. 327.)

[44] Trước thời kính sợ Trời tiềm ẩn đáy lòng. Sau trở nên hoàn thiện phối hợp với Trời. Thế là đầu đuôi của công cuộc tu trì.

[45] Đặt Trời vào Tâm Điểm con người, sẽ hiểu rõ lẽ:

Động (Người) ~ Tĩnh (Trời)

Phù (nổi = Người) ~ Trầm (chìm = Trời)

Nguyên (nguồn gốc = Trời) ~ Lai (phóng xuất ra = Người)

Bản (gốc = Trời) ~ Mạt (ngọn = Người)

Thiển (nông = Người) ~ Thâm (sâu = Trời)

Hiển (hiển lộ = Người) ~ Vi (vi ẩn =Trời)

Tụ (tụ lại = về với Trời) ~ Tán (tán ra = lìa xa Trời)

v.v...

[46] .- Considérer l'Univers comme faisant un tout et où le désordre d'une partie se répercute dans le Tout; considérer encore l'homme comme au centre de cet Univers et faire du coeur de l'homme le coeur de l'Univers telle est l'idée contenue dans les livres classiques et exprimée surtout par les philosophes des Song... Avec tous les penseurs chinois, il (Wang Yang Ming) répète que l'homme c'est le coeur de l'Univers, l'Univers avec moi constitue un seul corps. – Wang Tch'eng Chi, S. J., La philosophie morale de Wang Yang Ming, pp. 74- 75.

[47] . Mais l'opinion la plus suivie actuellement et qui me paraît (paraît) empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (Philosophie de Song) c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance, et que le Créateur du monde avec le Ciel et la Terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les quatre éléments forment un corps continu dont les divers êtres sont les membres.

C'est de cette unité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables à Dieu. – Henri Bernard Maitre, Sagesse Chinoise et Philosophie chrétienne, p. 108.